Số: 1130/QĐ-UBND; 19/11/2026; 13:29:12;

UBND TỈNH QUẢNG NGÃI
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KON TUM

Số: 07 /ĐA-CĐKT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ngãi, ngày 21 tháng 7 năm 2026

ĐỀ ÁN
xây dựng Trường Cao đẳng Kon Tum thành trường cao đẳng chất lượng cao giai đoạn 2026–2030

Phần I
SỰ CẦN THIẾT VÀ CƠ SỞ PHÁP LÝ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Trong những năm gần đây, tỉnh Quảng Ngãi đang đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp, dịch vụ và đô thị hóa, gắn với việc hình thành, mở rộng các khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp và triển khai nhiều dự án đầu tư quy mô lớn trong các lĩnh vực năng lượng, cơ khí, chế biến nông – lâm – thủy sản, logistics và du lịch. Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021–2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 1456/QĐ-TTg ngày 22/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ xác định phát triển nhanh và bền vững dựa trên ba trụ cột: Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại; phát triển công nghiệp – dịch vụ chất lượng cao (CLC) và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Định hướng này đặt ra yêu cầu cấp thiết về phát triển hệ thống giáo dục nghề nghiệp (GDNN) theo hướng chuẩn hóa, hiện đại và gắn chặt với nhu cầu nhân lực kỹ thuật CLC của nền kinh tế.

Cùng với tăng trưởng kinh tế, thị trường lao động tỉnh Quảng Ngãi đang có sự chuyển biến mạnh mẽ, đặc biệt là nhu cầu tuyển dụng lao động qua đào tạo tại khu kinh tế Dung Quất, các khu công nghiệp, doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp chế biến, chế tạo. Tuy nhiên, chất lượng nguồn nhân lực hiện nay vẫn còn những hạn chế nhất định: Tỷ lệ lao động có bằng cấp, chứng chỉ còn thấp; cơ cấu ngành, nghề đào tạo chưa theo kịp nhu cầu thực tiễn; kỹ năng nghề, kỹ năng mềm và tác phong công nghiệp của người lao động chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu của doanh nghiệp; khả năng thích ứng với công nghệ mới và chuyển đổi số còn hạn chế. Những hạn chế này cho thấy sự cần thiết phải tái cấu trúc mạng lưới GDNN theo hướng tập trung đầu tư các cơ sở có tiềm lực nhằm dẫn dắt, nâng cao chất lượng đào tạo toàn hệ thống.

Mặt khác, trong bối cảnh tăng cường hợp tác tiểu vùng Campuchia – Lào – Việt Nam (CLV) và phát triển các hành lang kinh tế liên vùng, nhu cầu về nguồn nhân lực kỹ thuật có kỹ năng nghề vững, năng lực ngoại ngữ và khả năng thích ứng với môi trường làm việc đa quốc gia đang gia tăng nhanh chóng. Xu thế này

đòi hỏi hệ thống GDNN phải chuyển dịch theo hướng chuẩn hóa chương trình đào tạo (CTĐT), nâng cao chất lượng đội ngũ và từng bước tiếp cận các chuẩn kỹ năng nghề khu vực ASEAN, nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh của nguồn nhân lực địa phương trong bối cảnh hội nhập khu vực và quốc tế.

Thời gian qua, hệ thống GDNN trên địa bàn tỉnh đã có những chuyển biến tích cực về quy mô và cơ cấu đào tạo; một số ngành, nghề gắn với nhu cầu doanh nghiệp được quan tâm phát triển; đội ngũ nhà giáo từng bước được chuẩn hóa. Tuy nhiên, mạng lưới cơ sở GDNN vẫn còn phân tán; một số cơ sở chưa được đầu tư đồng bộ; CTĐT cập nhật chậm so với công nghệ sản xuất mới; mức độ gắn kết giữa nhà trường và doanh nghiệp chưa thực sự sâu rộng. Việc lựa chọn và đầu tư trọng điểm các cơ sở GDNN có năng lực để phát triển thành trường cao đẳng CLC trở thành giải pháp chiến lược nhằm nâng cao hiệu quả toàn mạng lưới, phù hợp với tinh thần Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 12/9/2025 của Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ I, nhiệm kỳ 2025–2030 về phát triển nguồn nhân lực CLC và đổi mới GDNN.

Sau khi tỉnh Quảng Ngãi và tỉnh Kon Tum (cũ) hợp nhất, yêu cầu tái cấu trúc mạng lưới GDNN trên địa bàn tỉnh càng trở nên cấp thiết. Trong bối cảnh đó, Trường Cao đẳng Kon Tum (CĐKT), trực thuộc UBND tỉnh Quảng Ngãi, tiếp tục được xác định là cơ sở GDNN nòng cốt trong đào tạo và cung ứng nguồn nhân lực cho khu vực phía Tây của tỉnh. Theo Kế hoạch số 62/KH-UBND ngày 20/10/2025 của UBND tỉnh về sắp xếp các đơn vị sự nghiệp, Trường CĐKT được định hướng giữ nguyên trạng, đồng thời tiếp tục rà soát, hoàn thiện cơ cấu tổ chức theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả. Đến nay, Đề án sắp xếp tổ chức bên trong của Trường đã được phê duyệt và triển khai thực hiện, bộ máy tổ chức của Trường đã được kiện toàn theo mô hình mới, tạo điều kiện thuận lợi để nâng cao chất lượng quản trị, sử dụng hiệu quả nguồn lực và đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.

Trường CĐKT có nhiều lợi thế nổi bật để phát triển thành trường cao đẳng CLC: Quy mô đào tạo ổn định; cơ sở vật chất (CSVC) tương đối đồng bộ; đội ngũ nhà giáo đạt chuẩn, có kinh nghiệm thực tiễn; thế mạnh trong đào tạo gắn với doanh nghiệp; khả năng mở rộng vùng tuyển sinh đến các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa. Đặc biệt, tại khu vực phía Tây tỉnh Quảng Ngãi, Trường CĐKT là cơ sở GDNN duy nhất đào tạo trình độ trung cấp và cao đẳng cho đối tượng người học chủ yếu là đồng bào dân tộc thiểu số, học sinh vùng kinh tế – xã hội đặc biệt khó khăn và các đối tượng chính sách; trong đó, học sinh, sinh viên (HSSV) dân tộc thiểu số hằng năm chiếm trên 80% tổng quy mô tuyển sinh. Điều này khẳng định vai trò thiết yếu của Trường trong việc bảo đảm cơ hội tiếp cận GDNN chất lượng, góp phần tạo sinh kế, giảm nghèo bền vững và phát triển nguồn nhân lực khu vực phía Tây của tỉnh.

Đặc biệt, Trường CĐKT sở hữu vị trí địa lý – kinh tế đặc thù, nằm tại khu vực cửa ngõ kết nối hành lang phát triển giữa Việt Nam với Lào và Campuchia, gần các tuyến giao thông liên vùng và các cửa khẩu quốc tế quan trọng, tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai các hoạt động hợp tác đào tạo nghề trong tiểu vùng CLV. So với các cơ sở GDNN khác trên địa bàn tỉnh, lợi thế vị trí này cho phép Trường phát triển vai trò trung tâm đào tạo nguồn nhân lực kỹ thuật phục vụ kinh tế biên mậu, logistics xuyên biên giới và dịch vụ liên quốc gia, đồng thời mở rộng hợp tác đào tạo, trao đổi HSSV và chuẩn hóa CTĐT theo chuẩn khu vực ASEAN.

Bên cạnh yêu cầu từ thực tiễn, việc phát triển Trường CĐKT thành trường cao đẳng CLC còn là chủ trương, định hướng nhất quán của Trung ương và địa phương, được thể hiện trong nhiều văn bản quan trọng[1], trong đó Trường CĐKT đã được xác định là một trong các cơ sở GDNN được ưu tiên đầu tư để phát triển thành trường cao đẳng CLC, đáp ứng một phần chức năng trung tâm vùng, từng bước tiếp cận trình độ các nước ASEAN.

Đáng chú ý, việc xây dựng Đề án "Xây dựng Trường Cao đẳng Kon Tum thành trường cao đẳng chất lượng cao giai đoạn 2026–2030" là một trong những nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm được xác định trong Quyết định của UBND tỉnh Quảng Ngãi về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội năm 2026 tỉnh Quảng Ngãi, nhằm cụ thể hóa định hướng phát triển nguồn

---

[1] Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 1456/QĐ-TTg ngày 22/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ; Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 12/9/2025 của Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030 về nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế – xã hội năm 2025; - Văn bản số 4559/BGDĐT-KHTC ngày 05/8/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về rà soát, đề xuất nhu cầu đầu tư phục vụ Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026–2030, Trường CĐKT được xác định là 1 trong 56 cơ sở GDNN toàn quốc báo cáo đề xuất nhu cầu đầu tư để phát triển thành cơ sở CLC; Văn bản số 972/SGDĐT-GDNNQLĐT ngày 10/9/2025 của Sở GD&ĐT tỉnh Quảng Ngãi (mới) đề xuất cơ sở GDNN tham gia Dự án 2 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng GD&ĐT; Sở GD&ĐT tỉnh Quảng Ngãi được UBND tỉnh ủy quyền đề xuất tại Văn bản số 2303/UBND-KGVX ngày 09/9/2025 có đề xuất Trường CĐKT là cơ sở GDNN tham gia Dự án 2 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng GD&ĐT; Quyết định số 1296/QĐ-UBND ngày 24/12/2020 của UBND tỉnh Kon Tum (cũ) ban hành Đề án "Phát triển nguồn nhân lực tỉnh Kon Tum đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050", có xác định: "Đầu tư xây dựng Trường Cao đẳng Cộng đồng Kon Tum thành trường chất lượng cao"; Kế hoạch số 105-KH/TU ngày 11/7/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Kon Tum (cũ) và Kế hoạch số 3101/KH-UBND ngày 15/9/2023 của UBND tỉnh Kon Tum triển khai thực hiện Kế hoạch số 105-KH/TU ngày 11/7/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Chỉ thị số 21-CT/TW ngày 04/5/2023 của Ban Bí thư Trung ương Đảng "Về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045", xác định: Có 01 cơ sở giáo dục nghề nghiệp CLC, đáp ứng một phần chức năng trung tâm vùng, cơ bản tiếp cận trình độ các nước ASEAN-4; có khoảng 5-7 ngành, nghề trọng điểm, trong đó có 1-2 ngành, nghề có năng lực cạnh tranh trong các vùng trên cả nước; Báo cáo số 351/BC-UBND ngày 17/10/2024 của UBND tỉnh Kon Tum (cũ) Báo cáo tình hình thực hiện Đề án "phát triển trường cao đẳng CLC đến năm 2025" trên địa bàn tỉnh Kon Tum, có xác định mục tiêu: "Xác định mục tiêu, nhiệm vụ phát triển Trường Cao đẳng Kon Tum trở thành trường cao đẳng chất lượng cao vào năm 2025…".

nhân lực CLC, nâng cao năng suất lao động và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế tỉnh.

Từ yêu cầu phát triển kinh tế – xã hội, nhu cầu nhân lực CLC, yêu cầu đổi mới GDNN và định hướng phát triển lâu dài của Trường CĐKT, việc xây dựng và triển khai Đề án "Xây dựng Trường Cao đẳng Kon Tum thành trường cao đẳng chất lượng cao giai đoạn 2026–2030" là hết sức cần thiết. Đề án sẽ xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp và lộ trình thực hiện nhằm chuẩn hóa toàn diện hoạt động của nhà trường; tạo cơ sở huy động nguồn lực, mở rộng hợp tác, tăng cường gắn kết với doanh nghiệp; qua đó nâng cao chất lượng đào tạo, khẳng định vai trò nòng cốt của Trường trong hệ thống GDNN và đóng góp thiết thực vào phát triển bền vững thị trường lao động tỉnh Quảng Ngãi.

II. CƠ SỞ PHÁP LÝ

1. Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 10/12/2025;

2. Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo;

3. Nghị quyết số 281/NQ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo;

4. Quyết định số 2239/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

5. Quyết định số 2222/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

6. Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

7. Quyết định số 73/QĐ-TTg ngày 10/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2045;

8. Quyết định số 1456/QĐ-TTg ngày 22/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021–2030, tầm nhìn đến năm 2050;

9. Thông tư số 35/2021/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định tiêu chí và quy trình đánh giá, công nhận trường cao đẳng chất lượng cao;

10. Thông tư số 14/2024/TT-BLĐTBXH ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp;

11. Thông tư số 38/2026/TT-BGDĐT ngày 29/4/2026 của Bộ trưởng Giáo dục và Đào tạo ban hành chuẩn cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

12. Quyết định số 1769/QĐ-BLĐTBXH ngày 25/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phê duyệt ngành nghề trọng điểm; trường được lựa chọn ngành, nghề trọng điểm giai đoạn 2016-2020 và định hướng đến năm 2025;

13. Quyết định số 475/QĐ-BLĐTBXH ngày 26/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Kế hoạch triển khai quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2045;

14. Công văn số 1527/GDNNGDTX-GDNN ngày 03/10/2025 của Cục Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên đăng ký đánh giá, công nhận trường cao đẳng chất lượng cao năm 2025;

15. Chương trình hành động số 04-CT/TU ngày 14/11/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị;

16. Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 06/02/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi;

17. Kế hoạch số 04/KH-UBND ngày 07/01/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW;

18. Quyết định số 30/QĐ-UBND ngày 19/01/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 của tỉnh Quảng Ngãi;

19. Quyết định số 788/QĐ-UBND ngày 27/02/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2026–2030 tầm nhìn đến 2050;

20. Quyết định số 346/QĐ-UBND ngày 27/5/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi ban hành kế hoạch thực hiện quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050 (điều chỉnh);

21. Quyết định số 287/QĐ-UBND ngày 29/4/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt Đề án sắp xếp tổ chức bên trong thuộc Trường Cao đẳng Kon Tum;

22. Quyết định số 120/QĐ-CĐCĐ ngày 27/02/2023 của Hiệu trưởng nhà trường ban hành Chiến lược phát triển Trường Cao đẳng Cộng đồng Kon Tum đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045;

23. Quyết định số 988/QĐ-CĐKT ngày 12/5/2026 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kon Tum ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Kon Tum;

24. Quyết định số 1217/QĐ-CĐKT ngày 27/11/2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kon Tum thành lập Ban soạn thảo Đề án xây dựng Trường Cao đẳng Kon Tum thành trường cao đẳng chất lượng cao;

25. Kế hoạch số 738/KH-CĐKT ngày 28/11/2025 của Trường Cao đẳng Kon Tum biên soạn Đề án xây dựng Trường Cao đẳng Kon Tum thành trường cao đẳng chất lượng cao;

26. Văn bản số 822/SNV-TCBM ngày 05/3/2026 của Sở Nội vụ, Văn bản số 722/SGDĐT-GDNNQLĐT ngày 04/3/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo, Văn bản số 1321/STC-HCSN ngày 02/3/2026 của Sở Tài chính góp ý dự thảo Đề án xây dựng Trường Cao đẳng Kon Tum thành trường cao đẳng chất lượng cao giai đoạn 2026–2030;

27. Văn bản số 1173/SNV-TCBM ngày 25/3/2026 của Sở Nội vụ, Văn bản số 1126/SGDĐT-GDNNQLĐT ngày 24/3/2026 Sở Giáo dục và Đào tạo, Văn bản số 2200/STC-HCSN ngày 27/3/2026 của Sở Tài chính góp ý dự thảo Tờ trình, Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh (lần 1) và dự thảo Đề án xây dựng Trường Cao đẳng Kon Tum thành trường cao đẳng chất lượng cao giai đoạn 2026–2030 (lần 2);

28. Báo cáo số 800/BC-SGDĐT ngày 28/4/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo gửi Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả rà soát Đề án xây dựng Trường Cao đẳng Kon Tum thành trường cao đẳng chất lượng cao giai đoạn 2026–2030;

29. Công văn số 3908/UBND-KGVX ngày 06/5/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục hoàn thiện Đề án xây dựng Trường Cao đẳng Kon Tum giai đoạn 2026–2030;

30. Văn bản số 1137/GDNNGDTX-GDNN ngày 03/6/2026 của Cục Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên góp ý Đề án xây dựng Trường Cao đẳng Kon Tum thành trường cao đẳng chất lượng cao giai đoạn 2026 - 2030, Văn bản số 2485/SNV-TCBM ngày 03/6/2026 của Sở Nội vụ, Văn bản số 2724/SGDĐT-GDNNQLĐT ngày 04/6/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo, Văn bản số 4563/STC-HCSN ngày 02/6/2026 của Sở Tài chính, Văn bản số 1495/STP-KT&QLVPHC ngày 03/6/2026 của Sở Tư pháp góp ý dự thảo Tờ trình, Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh (lần 2) và dự thảo Đề án xây dựng Trường Cao đẳng Kon Tum thành trường cao đẳng chất lượng cao giai đoạn 2026–2030 (lần

3);

31. Văn bản số 3161/SGDĐT-GDNNQLĐT ngày 01/7/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo, Văn bản số 2921/SNV-TCBM ngày 30/6/2026 của Sở Nội vụ, Văn bản số 5462/STC-HCSN ngày 26/6/2026 của Sở Tài chính ý kiến dự thảo Đề án xây dựng Trường Cao đẳng Kon Tum thành trường cao đẳng chất lượng cao giai đoạn 2026–2030;

32. Văn bản số 6208/STC-HCSN ngày 17/7/2026 của Sở Tài chính, Văn bản số 3288/SNV-TCBM ngày 20/7/2026 của Sở Nội vụ ý kiến đối với Đề án xây dựng Trường Cao đẳng Kon Tum thành trường cao đẳng chất lượng cao giai đoạn 2026–2030.

Phần II

CƠ SỞ THỰC TIỄN

I. KHÁI QUÁT VỀ TRƯỜNG CAO ĐẲNG KON TUM

1. Quá trình hình thành và phát triển

Trường CĐKT được hình thành trên cơ sở thực hiện chủ trương sắp xếp, kiện toàn mạng lưới các cơ sở GDNN của tỉnh Kon Tum trước đây. Ngày 24/10/2017, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (LĐ-TB&XH) ban hành Quyết định số 1671/QĐ-BLĐTBXH thành lập Trường Cao đẳng Cộng đồng Kon Tum trên cơ sở sáp nhập 4 cơ sở: Trường Cao đẳng Kinh tế – Kỹ thuật Kon Tum; Trường Cao đẳng Sư phạm Kon Tum; Trường Trung cấp Y tế Kon Tum và Trường Trung cấp Nghề Kon Tum.

Ngày 16/5/2023, Trường Cao đẳng Cộng đồng Kon Tum được đổi tên thành Trường Cao đẳng Kon Tum theo Quyết định số 635/QĐ-BLĐTBXH của Bộ trưởng Bộ LĐ-TB&XH.

Thực hiện chủ trương của Nhà nước về sắp xếp đơn vị hành chính, giai đoạn 2024–2025, tỉnh Quảng Ngãi và tỉnh Kon Tum (cũ) được tổ chức lại thành tỉnh Quảng Ngãi. Theo đó, Trường CĐKT là cơ sở GDNN công lập trực thuộc UBND tỉnh Quảng Ngãi; chịu sự quản lý nhà nước về GDNN của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT); hoạt động theo Điều lệ trường cao đẳng và các quy định pháp luật hiện hành; thực hiện cơ chế tự chủ một phần chi thường xuyên theo quy định.

Trong quá trình phát triển, nhà trường từng bước ổn định tổ chức, tái cơ cấu bộ máy theo vị trí việc làm, nâng cao hiệu quả quản trị và khẳng định vai trò là cơ sở GDNN nòng cốt trong đào tạo nguồn nhân lực kỹ thuật, phục vụ phát triển kinh tế – xã hội của địa phương.

2. Chức năng, nhiệm vụ

Trường CĐKT có chức năng đào tạo các trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng; bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề cho người lao động theo yêu cầu của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

Nhà trường thực hiện nghiên cứu, ứng dụng khoa học – công nghệ phục vụ đào tạo; hợp tác, liên kết đào tạo với doanh nghiệp; tổ chức hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật; tổ chức các chương trình bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, vị trí việc làm; đào tạo, bồi dưỡng tiếng Việt cho người nước ngoài và tiếng dân tộc thiểu số Ba Na theo nhu cầu thực tiễn.

3. Tổ chức bộ máy

Thực hiện Quyết định số 287/QĐ-UBND ngày 29/4/2026 Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Đề án sắp xếp tổ chức bên trong thuộc Trường Cao đẳng Kon Tum. Hiện nay, sau sắp xếp Trường CĐKT có 5 phòng và 6 khoa, thực hiện quản lý, đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực theo quy định hiện hành.

Các phòng gồm: Phòng Tổng hợp - Hành chính và Quản trị, phòng Tổ chức cán bộ và Công tác học sinh - sinh viên, phòng Tài chính - Kế toán, phòng Quản lý Đào tạo và Bảo đảm chất lượng, phòng Quản lý khoa học công nghệ và Hợp tác phát triển.

Các khoa gồm: Khoa Kỹ thuật và Công nghệ, khoa Kinh tế và Nông Lâm, khoa các Khoa học cơ bản, khoa Sư phạm, khoa Y - Dược, khoa Đào tạo và Sát hạch lái xe.

4. Cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo

Trường CĐKT hiện có 5 cơ sở đào tạo với tổng diện tích đất xây dựng 313.518,8 m², phân bố tại các địa bàn thuộc phường Kon Tum, phường Đăk Bla và phường Đăk Cấm, tỉnh Quảng Ngãi, tạo điều kiện thuận lợi cho người học trong việc tiếp cận cơ sở đào tạo và tổ chức học tập *(có Thực trạng cơ sở vật chất của Trường CĐKT chi tiết tại Phụ lục I kèm theo)*. Quỹ đất hiện có tương đối lớn, tạo điều kiện thuận lợi cho việc mở rộng, đầu tư và phát triển trong giai đoạn tới.

Về trang thiết bị đào tạo, nhà trường đã được hỗ trợ đầu tư cho một số ngành, nghề trọng điểm; tuy nhiên, do nguồn lực đầu tư còn hạn chế và chưa đồng bộ, trang thiết bị đào tạo hiện nay mới đáp ứng một phần yêu cầu dạy và học, cần tiếp tục được đầu tư nâng cấp để đáp ứng tiêu chí trường cao đẳng CLC.

5. Đội ngũ viên chức quản lý, nhà giáo và người lao động

Tính đến hết tháng 12/2025, tổng số viên chức quản lý, nhà giáo và người lao động của Trường là 240 người, trong đó có 217 biên chế và 23 lao động hợp

đồng. Lãnh đạo Trường gồm Hiệu trưởng và 3 Phó Hiệu trưởng, có trình độ chuyên môn cao (2 Tiến sĩ, 1 Thạc sĩ và 1 Bác sĩ CKI).

Đội ngũ nhà giáo cơ hữu gồm 199 người, gồm: 4 Tiến sĩ; 114 Thạc sĩ; 81 Đại học; giảng viên có trình độ sau đại học chiếm tỷ lệ cao, cơ bản đáp ứng yêu cầu đào tạo hiện nay của nhà trường.

6. Quy mô tuyển sinh và ngành, nghề đào tạo

Theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 37/2025/GCNĐKHĐ-GDNNGDTX ngày 04/6/2025, Trường CĐKT được phép đào tạo 48 mã ngành, nghề GDNN ở các trình độ cao đẳng, trung cấp và sơ cấp, với tổng chỉ tiêu tuyển sinh hằng năm là 2.785 chỉ tiêu.

Ngoài ra, nhà trường được giao đào tạo trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non; tổ chức đào tạo lái xe mô tô, ô tô các hạng và đào tạo dưới 3 tháng theo nhu cầu xã hội.

Có Danh mục ngành, nghề và quy mô tuyển sinh cụ thể tại Phụ lục II kèm theo.

II. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG KON TUM THEO TIÊU CHÍ TRƯỜNG CAO ĐẲNG CHẤT LƯỢNG CAO

Trong giai đoạn 2023–2025, Trường CĐKT đã chủ động tổ chức tự đánh giá cơ sở GDNN theo tiêu chí, tiêu chuẩn trường cao đẳng CLC quy định tại Thông tư số 35/2021/TT-BLĐTBXH và hướng dẫn tại Công văn số 2310/TCGDNN-KĐCL ngày 24/10/2022 của Tổng cục GDNN. Kết quả tự đánh giá cho thấy nhà trường cơ bản đáp ứng các tiêu chí trường cao đẳng CLC, trong đó phần lớn tiêu chí bảo đảm đạt mức từ 80% trở lên, phản ánh các điều kiện nền tảng về CTĐT, đội ngũ nhà giáo, CSVC, quản trị nhà trường và gắn kết doanh nghiệp đã được hình thành tương đối đầy đủ.

Tuy nhiên, năm 2025, Công văn số 1527/GDNNGDTX-GDNN ngày 03/10/2025 của Cục Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên có điều chỉnh, cập nhật một số nội dung trong bộ tiêu chí, tiêu chuẩn trường cao đẳng CLC. Trên cơ sở đó, Trường CĐKT đã tổ chức rà soát, đánh giá mức độ đáp ứng theo bộ tiêu chí mới, làm căn cứ xác định các nội dung còn hạn chế, xây dựng lộ trình đầu tư, hoàn thiện điều kiện nhằm tiến tới được đánh giá và công nhận là trường cao đẳng CLC theo quy định hiện hành. Kết quả đánh giá cụ thể như sau:

1. Quy mô đào tạo

Giai đoạn 2023–2025, công tác tuyển sinh và đào tạo của Trường CĐKT nhìn chung được duy trì ổn định, từng bước có chuyển biến tích cực, tạo nền tảng quan trọng cho lộ trình xây dựng trường cao đẳng CLC. Cụ thể:

Năm 2023, kết quả tuyển sinh đạt 645 HSSV (59,2% chỉ tiêu được giao); quy mô đào tạo đạt 1.288 HSSV quy đổi, trong đó sinh viên trình độ cao đẳng là 671 sinh viên quy đổi. Mặc dù quy mô đào tạo (tính theo số HSSV quy đổi) chưa đạt ngưỡng theo tiêu chí trường cao đẳng CLC, nhưng đây là giai đoạn nền, tạo tiền đề cho các năm tiếp theo.

Năm 2024, tuyển sinh 1.421 HSSV, đạt kết quả nổi bật khi vượt 125,8% chỉ tiêu; quy mô đào tạo tăng mạnh lên 2.250 HSSV quy đổi, trong đó sinh viên trình độ cao đẳng đạt 939 sinh viên quy đổi. Kết quả này cho thấy năng lực tổ chức tuyển sinh và đào tạo của Trường đã tiệm cận yêu cầu về quy mô theo tiêu chí trường cao đẳng CLC.

Năm 2025, tuyển sinh được 999 HSSV, đạt tỷ lệ 84,8% chỉ tiêu; quy mô đào tạo quy đổi có sự tăng trưởng bứt phá, đạt 2.707 HSSV, trong đó sinh viên trình độ cao đẳng đạt 1.406 sinh viên. Việc xác lập quy mô này trên cơ sở tuân thủ các điều kiện bảo đảm chất lượng (BĐCL) là cơ sở quan trọng để Trường từng bước ổn định và nâng cao chất lượng đào tạo theo chuẩn trường cao đẳng CLC.

Kết quả tuyển sinh, quy mô đào tạo và kết quả tốt nghiệp trình độ trung cấp, cao đẳng giai đoạn 2023-2025

ĐVT: Người

Năm	Kết quả tuyển sinh so với chỉ tiêu được giao			Quy mô đào tạo (theo số HSSV quy đổi)			Kết quả tốt nghiệp	Đánh giá
	Chỉ tiêu được giao	Kết quả tuyển sinh	Tỷ lệ (%)	∑	CĐ	TC		
2023	1.090	645	59,2	1.288	671	617	459	Không đạt
2024	1.130	1.421	125,8	2.250	939	1.311	542	Không đạt
2025	1.178	999	84,8	2.707	1.406	1.301	466	Đạt

Hiện nay, nhà trường đã xây dựng và phê duyệt 2 CTĐT CLC, gồm: Ngành, nghề Công nghệ ô tô, trình độ trung cấp và ngành, nghề Điều dưỡng, trình độ cao đẳng. Trong đó, CTĐT CLC ngành, nghề Điều dưỡng, trình độ cao đẳng đang được tổ chức đào tạo; CTĐT CLC ngành, nghề Công nghệ ô tô, trình độ trung cấp đang được rà soát, hoàn thiện các điều kiện triển khai. Các CTĐT được xây dựng theo hướng tiếp cận năng lực, tăng cường gắn kết doanh nghiệp và từng bước tiếp cận chuẩn đào tạo của khu vực ASEAN.

Tỷ lệ HSSV bỏ học trình độ trung cấp, cao đẳng của toàn Trường còn ở mức cao so với mức khuyến nghị, trong đó tỷ lệ bỏ học tại một số ngành, nghề trọng điểm vượt ngưỡng 10%. Tuy nhiên, qua từng năm, tỷ lệ HSSV bỏ học có xu hướng giảm, đặc biệt tại các ngành, nghề trọng điểm, phản ánh hiệu quả bước

đầu của các giải pháp quản lý, hỗ trợ người học và điều chỉnh tổ chức đào tạo. Nguyên nhân chủ yếu của tình trạng bỏ học xuất phát từ đặc thù đối tượng người học, phần lớn là học sinh vùng sâu, vùng xa, học sinh là người đồng bào dân tộc thiểu số, điều kiện kinh tế còn nhiều khó khăn, dễ bị gián đoạn quá trình học tập; bên cạnh đó, chính sách hỗ trợ người học hiện nay chưa đủ mạnh để giữ chân HSSV, nhất là đối với các ngành, nghề trọng điểm. Thực tế này cho thấy nhu cầu cần có các chính sách hỗ trợ đồng bộ hơn để mở rộng quy mô đào tạo và giảm tối đa tỷ lệ HSSV bỏ học trong giai đoạn tới.

2. Trình độ nhà giáo

Trong giai đoạn 2023–2025, đội ngũ nhà giáo của Trường cơ bản đáp ứng yêu cầu về số lượng và trình độ chuyên môn theo quy định hiện hành, đồng thời từng bước được chuẩn hóa theo định hướng xây dựng trường cao đẳng CLC.

Tính đến tháng 12/2025, Trường có 199 nhà giáo trực tiếp giảng dạy các môn học, mô đun chuyên môn trình độ cao đẳng và trình độ trung cấp. 100% nhà giáo giảng dạy các cấp trình độ có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản hoặc tương đương trở lên theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin hoặc tương đương trở lên; 100% nhà giáo có trình độ chuyên môn từ cử nhân trở lên, với cơ cấu gồm 4 Tiến sĩ; 114 Thạc sĩ; 81 Đại học. Đội ngũ nhà giáo giảng dạy các ngành, nghề trọng điểm đạt 51,35% có trình độ thạc sĩ trở lên, đáp ứng yêu cầu về trình độ chuyên môn theo tiêu chí trường cao đẳng CLC.

Về kỹ năng nghề, toàn Trường hiện có 111/199 nhà giáo (55,77%) có chứng chỉ kỹ năng nghề hoặc bằng kỹ sư theo quy định, chưa đạt ngưỡng 70% theo yêu cầu trường cao đẳng CLC. Tuy nhiên, đối với các ngành, nghề trọng điểm, tỷ lệ nhà giáo đạt chuẩn kỹ năng nghề từ 80% đến 100%. Nội dung này Trường chưa đáp ứng tiêu chí trường cao đẳng CLC.

Về ngoại ngữ, theo Thông tư số 01/2014/TTBGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương trở lên có 128/199 nhà giáo đạt ngoại ngữ bậc 3 hoặc tương đương chiếm tỷ lệ 64,32%. Đối với ngành, nghề trọng điểm: Ngành, nghề Trồng trọt đạt 70% (13/20); ngành, nghề Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử đạt 72,22% (13/18); ngành, nghề Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính đạt 75% (6/8); ngành, nghề Điều dưỡng đạt 61,2% (19/31); ngành, nghề Công nghệ ô tô đạt 51,35% (19/37); ngành, nghề Lâm sinh đạt 64,52% (20/31); cho thấy đây là nội dung Trường đáp ứng được yêu cầu về trình độ chuyên môn theo tiêu chí trường cao đẳng CLC.

Hằng năm, nhà trường xây dựng và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo, chú trọng cập nhật công nghệ mới, kỹ thuật mới gắn với thực tiễn nghề

nghiệp với thời gian tối thiểu 80 giờ. Năm 2025, tỷ lệ chung toàn trường đạt 72,36%, tuy nhiên nhà giáo giảng dạy ở 6 ngành, nghề trọng điểm, có ngành, nghề Điều dưỡng chỉ đạt 40% nên nội dung này chưa đáp ứng yêu cầu theo tiêu chí trường cao đẳng CLC.

(Có chi tiết trình độ của đội ngũ nhà giáo tại Phụ lục III kèm theo).

Nhìn chung, đội ngũ nhà giáo của Trường đã hình thành nền tảng cơ bản để triển khai đào tạo CLC. Tuy nhiên, vẫn còn một số hạn chế so với yêu cầu của tiêu chí trường cao đẳng CLC như: Số nhà giáo đạt chuẩn kỹ năng nghề bậc cao, có kinh nghiệm thực tiễn sâu tại doanh nghiệp chưa nhiều; năng lực ngoại ngữ, đặc biệt là ngoại ngữ chuyên ngành của một bộ phận nhà giáo chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu triển khai CTĐT CLC và hội nhập khu vực. Do đó, trong giai đoạn tiếp theo, nhà trường cần tiếp tục được hỗ trợ về cơ chế, chính sách và nguồn lực để nâng cao chất lượng, cơ cấu và chuẩn hóa đội ngũ nhà giáo.

3. Gắn kết với doanh nghiệp trong đào tạo và việc làm sau đào tạo

Trong giai đoạn 2023–2025, Trường CĐKT xác định hoạt động gắn kết với doanh nghiệp là một trong những trụ cột quan trọng trong tổ chức đào tạo và BĐCL đầu ra, qua đó từng bước đáp ứng yêu cầu của tiêu chí trường cao đẳng CLC. Song song với đào tạo chính quy, nhà trường đã tổ chức nhiều khóa đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn theo nhu cầu doanh nghiệp và người lao động, tập trung vào các lĩnh vực như: Công nghệ ô tô (vừa làm vừa học), Vận hành máy xúc, An toàn – vệ sinh lao động, May công nghiệp. Số lượng khóa đào tạo và học viên tham gia tăng qua các năm; kết quả khảo sát cho thấy tỷ lệ hài lòng của học viên đều đạt từ 80% trở lên, qua đó khẳng định năng lực tổ chức đào tạo theo đặt hàng và khả năng đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp.

Nhà trường đã chủ động triển khai hợp tác quốc tế với một số tổ chức, cơ sở giáo dục nước ngoài nhằm bồi dưỡng ngoại ngữ cho nhà giáo, trao đổi kinh nghiệm đào tạo, hỗ trợ chuyển đổi số và tiếp cận các mô hình giáo dục tiên tiến. Các hoạt động hợp tác được triển khai đúng mục tiêu, đạt kết quả tích cực, góp phần nâng cao năng lực hội nhập và tạo nền tảng mở rộng hợp tác trong giai đoạn tiếp theo *(có chi tiết tại Phụ lục IV kèm theo).*

Trong tổ chức đào tạo, nhà trường chú trọng tăng cường thời lượng thực hành, thực tập gắn với doanh nghiệp; nhiều CTĐT bố trí tỷ lệ thời gian thực hành, thực tập từ 30% trở lên, đặc biệt đối với các ngành, nghề trọng điểm. Trường đã triển khai thực hiện có hiệu quả các mô hình đào tạo kép "Một chương trình – Hai địa điểm" và Phương án hợp tác 3 bên: Nhà trường – Chính quyền địa phương – Doanh nghiệp, theo đó một phần nội dung đào tạo được tổ chức tại Trường và một phần được thực hiện trực tiếp tại doanh nghiệp, góp phần nâng cao kỹ năng

nghề, tác phong công nghiệp và khả năng thích ứng với môi trường làm việc thực tế của HSSV.

Để phục vụ đào tạo gắn với doanh nghiệp, Trường đã có hệ thống trang thiết bị đào tạo, xưởng thực hành và phòng thí nghiệm cho các ngành, nghề đào tạo nhưng chưa đáp ứng yêu cầu tổ chức đào tạo theo chương trình hiện hành. Theo kết quả rà soát mức độ đáp ứng trang thiết bị đào tạo tại các ngành, nghề, mức độ hiện đại và đồng bộ của trang thiết bị còn hạn chế; tỷ lệ thiết bị có trình độ công nghệ tương đương với công nghệ đang được áp dụng tại doanh nghiệp còn thấp, chưa đạt yêu cầu tối thiểu 30% thiết bị có trình độ công nghệ tiên tiến tại Việt Nam đối với các ngành, nghề trọng điểm theo tiêu chí trường cao đẳng CLC *(có chi tiết tại Phụ lục V kèm theo)*. Một số thiết bị đã qua thời gian sử dụng dài, chậm được cập nhật, ảnh hưởng đến khả năng triển khai đào tạo theo đặt hàng và mô hình đào tạo kép ở quy mô lớn.

Thời gian qua, nhà trường đã nỗ lực triển khai nhiều hoạt động gắn kết với doanh nghiệp để sản xuất, cung cấp các sản phẩm, dịch vụ; điển hình phải kể đến việc hợp tác với Viện Công nghệ sinh học, Viện Hàn lâm khoa học Việt Nam thực hiện thành công đề tài khoa học và công nghệ cấp tỉnh "Nghiên cứu ứng dụng vi tảo xử lý môi trường nước thải trong nuôi trồng thủy sản nước ngọt trên địa bàn tỉnh Kon Tum" giai đoạn 2022-2024; phân lập và lưu giữ được 3 loại giống vi tảo (C. vulgaris KT2023, S. acuminatus KT2023 và S. platensis KT2023) từ đề tài KH&CN cấp tỉnh nêu trên; 1 sáng kiến cấp tỉnh được công nhận sáng kiến[2], 1 sáng kiến cấp tỉnh được công nhận phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng[3]; nghiên cứu, thử nghiệm và chuyển giao mô hình trồng lúa theo tiêu chuẩn VIETGAP tại địa phương. Tuy nhiên, hoạt động hợp tác với doanh nghiệp trong triển khai các đề tài nghiên cứu khoa học (NCKH) ứng dụng, thử nghiệm và chuyển giao công nghệ của Trường còn hạn chế về quy mô, số lượng và tính thường xuyên, chưa hình thành được cơ chế hợp tác bền vững gắn chặt với nhu cầu sản xuất – kinh doanh của doanh nghiệp.

Về việc làm sau đào tạo, kết quả khảo sát hằng năm cho thấy trên 80% người học của Trường có việc làm sau tốt nghiệp; tuy nhiên, tỷ lệ việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo chưa cao và chưa đồng đều giữa các ngành, một phần do đặc điểm thị trường lao động địa phương còn hạn chế, đồng thời công tác theo dõi, cập nhật dữ liệu việc làm sau tốt nghiệp chưa được hệ thống hóa đầy đủ theo yêu cầu của tiêu chí trường cao đẳng CLC. Đối với các ngành, nghề trọng điểm thì tiêu chuẩn này Trường chưa đáp ứng được trong thời gian qua.

---

[2] Sáng kiến "Giải pháp ứng dụng mô hình thực hành lắp ráp các thiết bị phần cứng máy tính để bàn trong đào tạo các ngành nghề Công nghệ thông tin tại Trường Cao đẳng Kon Tum".

[3] Sáng kiến "Giải pháp thực hiện công tác tổ chức lại Trường Cao đẳng Kon Tum, trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum".

Nhìn chung, so với tiêu chí trường cao đẳng CLC, Trường CĐKT đã cơ bản đáp ứng các yêu cầu về gắn kết doanh nghiệp trong đào tạo và giải quyết việc làm cho người học; tuy nhiên, để đạt chuẩn đầy đủ, nhà trường cần tiếp tục nâng cao chiều sâu hợp tác với doanh nghiệp và đối tác quốc tế, mở rộng đào tạo theo đặt hàng, đào tạo kép, đồng thời nâng cao mức độ đáp ứng của trang thiết bị đào tạo, đặc biệt đối với các ngành, nghề trọng điểm. Đặc biệt cần quan tâm nhiều hơn đến công tác giải quyết việc làm cho HSSV sau tốt nghiệp đúng ngành, nghề được đào tạo.

4. Quản trị nhà trường

Trong giai đoạn 2023–2025, Trường CĐKT từng bước hoàn thiện mô hình quản trị nhà trường theo hướng hiện đại, minh bạch và BĐCL, phù hợp với yêu cầu của tiêu chí quản trị nhà trường đối với trường cao đẳng CLC.

Trường có khuôn viên tương đối rộng, được quy hoạch tập trung với đầy đủ các hạng mục chức năng cơ bản như: Phòng học, giảng đường, khu hiệu bộ, khu thực hành, khu thể thao và ký túc xá; cảnh quan được tổ chức theo hướng xanh, thoáng, góp phần hình thành môi trường giáo dục lành mạnh. Hệ thống phòng học, giảng đường đáp ứng yêu cầu đào tạo hiện tại, bảo đảm các điều kiện cơ bản về diện tích, ánh sáng, thông gió và an toàn sử dụng. Tuy nhiên, mức độ hiện đại và đồng bộ giữa các khu vực chưa cao; một số phòng học chưa được cải tạo theo hướng học tập linh hoạt và số hóa, cần tiếp tục được đầu tư nâng cấp để đáp ứng yêu cầu quản trị và đào tạo theo tiêu chí trường cao đẳng CLC.

Nhà trường có ký túc xá, nhà ăn, khu sinh hoạt, y tế học đường và các khu rèn luyện thể chất cơ bản, góp phần hỗ trợ người học học tập và rèn luyện toàn diện. Công tác bảo đảm an ninh, an toàn, phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường, phòng chống bạo lực học đường và hỗ trợ người khuyết tật được triển khai theo quy định; tuy nhiên, một số hạng mục cần tiếp tục được chuẩn hóa và hiện đại hóa để đáp ứng đầy đủ yêu cầu của tiêu chí trường cao đẳng CLC.

Nhà trường đã xây dựng và vận hành hệ thống BĐCL nội bộ, trong đó phân công rõ chức năng, nhiệm vụ cho phòng Quản lý Đào tạo và Bảo đảm chất lượng; tổ chức tự đánh giá cơ sở GDNN và CTĐT theo quy định; thực hiện lấy ý kiến phản hồi của người học, nhà giáo và doanh nghiệp làm căn cứ cải tiến. Kết quả khảo sát giai đoạn 2023–2025 cho thấy trên 80% người học và nhà giáo đánh giá hệ thống BĐCL hoạt động hiệu quả; công tác cải tiến chất lượng được triển khai hằng năm và gắn với kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, đầu tư CSVC và trang thiết bị đào tạo.

Trường đã triển khai số hóa nhiều hoạt động quản lý, bao gồm: Quản lý đào tạo, HSSV, nhân sự, tài chính trên nền tảng phần mềm; ứng dụng CNTT trong tuyển sinh, truyền thông và quản lý học tập. Trang thông tin điện tử của Trường

được xây dựng song ngữ Việt – Anh, công khai các nội dung theo quy định về cam kết và chất lượng đào tạo, điều kiện BĐCL và thu – chi tài chính.

Nhà trường đã triển khai hệ thống quản lý học tập trực tuyến (LMS), bước đầu đáp ứng yêu cầu quản lý nội dung giảng dạy, học tập và đánh giá; tổ chức đào tạo trực tuyến và đào tạo kết hợp. Hiện nay, khoảng 30% môn học, mô đun trong CTĐT các ngành, nghề trọng điểm đã đủ điều kiện triển khai theo hình thức trực tuyến hoặc kết hợp. Tuy nhiên, so với yêu cầu của tiêu chí trường cao đẳng CLC (50%), tỷ lệ này còn thấp và cần tiếp tục được đầu tư nâng cấp hạ tầng, học liệu số và năng lực số của đội ngũ.

Nhà trường triển khai tương đối đầy đủ và đồng bộ các hoạt động hỗ trợ đối với nhà giáo, nhân viên, cán bộ quản lý và HSSV:

- Đối với nhà giáo, Trường xây dựng và thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hằng năm và theo giai đoạn, gắn với chuẩn chức danh nghề nghiệp và vị trí việc làm; thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách theo quy định, đồng thời có các hình thức động viên, khuyến khích nâng cao trình độ, NCKH và đổi mới phương pháp giảng dạy.

- Đối với viên chức quản lý, nhà trường chú trọng bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý, hành chính, tài chính, nhân sự và kỹ năng số, gắn với đánh giá, xếp loại và quy hoạch cán bộ.

- Đối với HSSV, Trường triển khai đầy đủ các hoạt động tư vấn học tập, hướng nghiệp, hỗ trợ việc làm và khởi nghiệp; thực hiện các chính sách học bổng, miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; cung cấp các dịch vụ y tế học đường, văn hóa – thể thao, góp phần tạo môi trường học tập an toàn, thân thiện.

Bên cạnh đó, nhà trường quan tâm thực hiện giáo dục hòa nhập đối với người khuyết tật và tích cực tham gia phục vụ cộng đồng thông qua đào tạo nghề cho lao động địa phương, tư vấn và chuyển giao kỹ thuật, góp phần nâng cao trách nhiệm xã hội của cơ sở GDNN.

Các khu thực hành của Trường bảo đảm điều kiện theo quy định về CSVC, thiết bị; được tổ chức sắp xếp bảo đảm 2 trong 3 cấp độ theo quy định, gồm: Đào tạo kỹ năng cơ bản chung và đào tạo kỹ năng chuyên sâu.

Hằng năm, Trường có ít nhất 1 bài báo hoặc công trình khoa học được công bố trên tạp chí khoa học có tính điểm hoặc ấn phẩm tương đương; trong năm 2025 Trường có 1 bài báo đăng trên tạp chí khoa học quốc tế; 40 bài báo đăng trên tạp chí khoa học trong nước có chỉ số ISSN; 66 bài đăng trong các Kỷ yếu Hội nghị, Hội thảo khoa học của Trường; 2 sản phẩm khoa học và công nghệ của nhà giáo tham gia Hội thi Sáng tạo kỹ thuật tỉnh lần thứ XI năm 2024 - 2025 đạt 1 giải Ba

và 1 giải Khuyến khích[4], các sản phẩm NCKH tập trung vào ứng dụng thực tiễn, đổi mới đào tạo và phục vụ cộng đồng, đáp ứng yêu cầu về hoạt động khoa học trong tiêu chí quản trị nhà trường.

So với yêu cầu của tiêu chí trường cao đẳng CLC, Trường cơ bản đáp ứng các tiêu chuẩn về tổ chức bộ máy, cơ chế quản lý, BĐCL, công khai minh bạch, hỗ trợ người học và trách nhiệm xã hội. Tuy nhiên, một số nội dung mới đạt ở mức cơ bản, đặc biệt là đào tạo trực tuyến, chuyển đổi số đồng bộ và mức độ hiện đại của CSVC, trang thiết bị phục vụ quản trị, cần tiếp tục được đầu tư và hoàn thiện trong lộ trình xây dựng trường cao đẳng CLC.

5. Trình độ học sinh, sinh viên sau đào tạo

Trong giai đoạn 2023–2025, Trường cơ bản đáp ứng các tiêu chuẩn về trình độ HSSV sau đào tạo theo quy định.

Về kết quả học tập, rèn luyện và thành tích của HSSV, hằng năm Trường có HSSV được tuyên dương là điển hình HSSV tiêu biểu cấp tỉnh trong các phong trào học tập, rèn luyện và sáng tạo. Trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề và ý thức kỷ luật của HSSV sau đào tạo nhìn chung đáp ứng chuẩn đầu ra của các CTĐT. Trong năm 2025, Trường đã tổ chức thành công Cuộc thi khởi nghiệp đổi mới sáng tạo cấp trường năm 2025 với 18 ý tưởng, dự án khởi nghiệp[5]. Có 4 ý tưởng/dự án khởi nghiệp của HSSV tham gia Vòng chung kết Cuộc thi "HSSV với ý tưởng khởi nghiệp" do Bộ GD&ĐT tổ chức, kết quả có 1 dự án đạt giải Khuyến khích[6].

Về mức độ đáp ứng yêu cầu công việc của HSSV sau tốt nghiệp, Trường thực hiện khảo sát định kỳ ý kiến đơn vị sử dụng lao động. Kết quả khảo sát giai đoạn 2023–2025 cho thấy khoảng 81–89% doanh nghiệp đánh giá HSSV tốt nghiệp trình độ trung cấp, cao đẳng của Trường đáp ứng phần lớn yêu cầu công việc, đặc biệt ở các tiêu chí về thái độ làm việc, ý thức kỷ luật và khả năng thích nghi với môi trường sản xuất – kinh doanh. Một số doanh nghiệp đề nghị Trường tiếp tục nâng cao kỹ năng nghề ở mức độ nâng cao và kỹ năng tiếp cận công nghệ mới. Nhìn chung, mức độ đáp ứng yêu cầu việc làm của HSSV sau đào tạo đạt yêu cầu theo tiêu chuẩn.

Về kiến thức và kỹ năng sử dụng hiệu quả năng lượng, tài nguyên và bảo vệ môi trường, Trường đã xây dựng chương trình, biên soạn giáo trình và tổ chức giảng dạy mô đun "Kiến thức, kỹ năng cơ bản về sử dụng hiệu quả năng lượng và tài nguyên, bảo vệ môi trường" trong 100% CTĐT trình độ trung cấp và cao đẳng. Qua đó, bảo đảm HSSV tốt nghiệp có nhận thức và kỹ năng cơ bản trong việc sử

[4] Sản phẩm "Thiết bị kiểm tra rò rỉ hệ thống nước làm mát động cơ ô tô bằng điện tử" đạt giải Ba.Sản phẩm "Thiết bị cắt khí chuyên dùng và gá kẹp để hàn ống" đạt giải Khuyến khích.
[5] Kết quả: 5 giải Nhất, 5 giải Nhì, 4 giải Ba và 4 giải Khuyến khích.
[6] Dự án "Dược liệu Thất diệp nhất chi hoa trồng dưới tán rừng".

dụng tiết kiệm năng lượng, tài nguyên và tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường tại nơi làm việc, đáp ứng đầy đủ yêu cầu của tiêu chuẩn.

Hằng năm, nhà trường đều có ít nhất 1 ý tưởng, dự án khởi nghiệp của HSSV được hỗ trợ đầu tư từ nguồn kinh phí phù hợp hoặc kết nối với các doanh nghiệp, các quỹ đầu tư mạo hiểm.

Trường cơ bản đáp ứng các tiêu chuẩn của Tiêu chí 5 về trình độ HSSV sau đào tạo theo quy định đối với trường cao đẳng CLC. Tuy nhiên, để đạt mức đáp ứng cao hơn, Trường cần tiếp tục nâng cao chất lượng đào tạo thực hành, phát triển kỹ năng nghề nâng cao, kỹ năng ứng dụng công nghệ mới; đồng thời tạo điều kiện để HSSV tham gia các kỳ thi tay nghề, cuộc thi chuyên môn ở cấp khu vực và quốc gia nhằm nâng cao thành tích và năng lực cạnh tranh của HSSV sau tốt nghiệp.

Tổng hợp kết quả đánh giá theo các tiêu chí trường cao đẳng CLC cho thấy, trong giai đoạn 2023–2025, Trường CĐKT đã hình thành được nền tảng tương đối toàn diện về quy mô và chất lượng đào tạo, đội ngũ nhà giáo, quản trị nhà trường, gắn kết doanh nghiệp và việc làm sau đào tạo. Phần lớn các tiêu chí đạt mức từ cơ bản đến khá, nhiều nội dung tiệm cận yêu cầu của trường cao đẳng CLC theo quy định hiện hành.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, nhà trường vẫn còn một số hạn chế cần tập trung khắc phục, như: Quy mô đào tạo chưa ổn định bền vững; tỷ lệ HSSV bỏ học còn cao ở một số ngành, nghề; chất lượng và cơ cấu đội ngũ nhà giáo chưa đồng đều, đặc biệt về kỹ năng nghề bậc cao và ngoại ngữ; mức độ hiện đại, đồng bộ của CSVC, trang thiết bị đào tạo và hạ tầng số chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu; chiều sâu gắn kết với doanh nghiệp, đào tạo kép và đào tạo theo đặt hàng cần tiếp tục được nâng cao; thành tích và năng lực cạnh tranh của HSSV sau đào tạo ở cấp quốc gia, khu vực còn hạn chế. Trên cơ sở đó, việc xây dựng lộ trình đầu tư, hoàn thiện các điều kiện BĐCL, gắn với cơ chế, chính sách và nguồn lực phù hợp là yêu cầu cấp thiết để Trường CĐKT từng bước đáp ứng đầy đủ các tiêu chí và tiến tới được đánh giá, công nhận là trường cao đẳng CLC theo quy định trong giai đoạn tiếp theo *(có chi tiết mức độ đáp ứng tiêu chí trường cao đẳng CLC và vấn đề cấp thiết cần đầu tư tại Phụ lục VI kèm theo)*.

III. TÓM TẮT BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG KON TUM (NĂM 2025)

Kết quả tự đánh giá tổng thể: Trường đạt 98/100 điểm theo bộ tiêu chí kiểm định chất lượng GDNN của Bộ LĐ-TB&XH (Thông tư 14/2024/TT-BLĐTBXH). Trong đó, 7/8 tiêu chí đạt điểm tối đa.

1. Điểm mạnh trong các lĩnh vực hoạt động

Quản trị và Hệ thống BĐCL: Nhà trường vận hành hệ thống BĐCL dựa trên chu trình PDCA với 28 quy trình quản lý bài bản. Cơ cấu tổ chức đã được kiện toàn, hướng tới sự tinh gọn và hiệu quả.

Đào tạo và CTĐT: 100% CTĐT được xây dựng theo hướng tiếp cận năng lực và công bố chuẩn đầu ra công khai. Trường đẩy mạnh ứng dụng Công nghệ thông tin (CNTT) thông qua phần mềm quản lý Unisoft và hệ thống LMS.

Đội ngũ nhà giáo: Có 199 nhà giáo tham gia giảng dạy, 100% đạt chuẩn chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm. Tỷ lệ nhà giáo có trình độ Thạc sĩ trở lên chiếm hơn 59%.

NCKH và hợp tác quốc tế: Hoạt động NCKH đạt kết quả tích cực với nhiều đề tài cấp tỉnh và các bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành quốc tế (WoS/Scopus). Trường duy trì quan hệ hợp tác hiệu quả với các đối tác từ Anh quốc, Philippines.

2. Điểm tồn tại trọng yếu: Trang thiết bị dạy học

Mặc dù đạt điểm tổng kết cao, báo cáo tự đánh giá đã chỉ ra một "điểm nghẽn" lớn nhất trong hệ thống BĐCL của Trường tại Tiêu chuẩn 5 thuộc Tiêu chí 5.

a) Sự bất cập về danh mục và chủng loại thiết bị

Tiêu chuẩn 5.5 về thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo là nội dung duy nhất trong báo cáo tự đánh giá đạt 0 điểm. Kết quả tự rà soát cho thấy trang thiết bị của một số ngành, nghề hiện tại đang thiếu hụt nghiêm trọng cả về số lượng lẫn chủng loại so với yêu cầu tối thiểu của CTĐT. Điều này trực tiếp gây khó khăn cho việc triển khai đồng bộ các bài thực hành theo khung chương trình đã ban hành.

b) Nguyên nhân và hệ quả

Sự lạc hậu so với thực tiễn: Một phần trang thiết bị chưa đáp ứng được sự thay đổi nhanh chóng của công nghệ sản xuất tại doanh nghiệp, dẫn đến khoảng cách giữa năng lực thực hành của người học và yêu cầu thực tế.

Hạn chế nguồn lực đầu tư: Dù nguồn kinh phí đầu tư công và các chương trình mục tiêu đã được huy động, nhưng tiến độ mua sắm bổ sung vẫn chưa bảo đảm tính đồng bộ và kịp thời cho các ngành, nghề trọng điểm.

Ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo: Việc thiếu thiết bị thực hành chuẩn khiến nhà trường phải linh hoạt trong việc sắp xếp lịch học hoặc phụ thuộc nhiều vào các cơ sở liên kết, làm giảm tính chủ động trong tổ chức đào tạo thực hành.

3. Các tồn tại khác

Tuyển sinh: Một số ngành nghề như Nông nghiệp công nghệ cao, Hộ sinh, Hàn, Công nghệ thông tin vẫn gặp khó khăn trong việc thu hút thí sinh dù thị trường có nhu cầu.

Hợp tác doanh nghiệp: Liên kết với doanh nghiệp ở một số ngành, nghề còn thiếu chiều sâu; việc thu thập phản hồi từ đơn vị sử dụng lao động đôi khi chưa mang tính hệ thống.

Học liệu: Tiến độ biên soạn giáo trình và tài liệu giảng dạy tự biên soạn tại một số đơn vị còn chậm so với kế hoạch.

4. Kế hoạch hành động và khuyến nghị

Để khắc phục tình trạng thiếu hụt trang thiết bị và nâng cao năng lực cạnh tranh, Trường CĐKT đề ra các giải pháp chiến lược:

a) Ưu tiên đầu tư trang thiết bị: Đẩy mạnh thực hiện các dự án mua sắm, bổ sung thiết bị dụng cụ bảo đảm tính đồng bộ, đặc biệt cho các ngành, nghề trọng điểm.

b) Mô hình hợp tác công - tư: Tăng cường ký kết thỏa thuận với doanh nghiệp để sử dụng chung trang thiết bị hiện đại của doanh nghiệp trong quá trình đào tạo thực hành.

c) Hệ thống quản lý tài sản: Ứng dụng phần mềm MISA và các công cụ quản lý để tối ưu hóa hiệu suất sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ các thiết bị hiện có.

d) Tiếp tục tinh gọn bộ máy: Triển khai Đề án tổ chức lại các đơn vị thuộc Trường theo hướng tinh gọn, hiệu lực và hiệu quả.

Tổng kết lại, kết quả tự đánh giá năm 2025 khẳng định Trường CĐKT đã thiết lập được một hệ thống BĐCL đồng bộ và hiệu quả, với tổng điểm ấn tượng 98/100. Mặc dù vẫn còn "điểm nghẽn" về trang thiết bị dạy học chưa đáp ứng đầy đủ danh mục tối thiểu ở một số ngành, nghề, nhưng sự minh bạch trong việc nhìn nhận tồn tại và xây dựng lộ trình khắc phục chi tiết đã thể hiện cam kết mạnh mẽ của nhà trường đối với chất lượng đào tạo. Với nền tảng vững chắc từ đội ngũ nhà giáo tâm huyết, CTĐT bám sát thực tiễn và sự tín nhiệm cao từ các bên liên quan, Trường CĐKT đang đi đúng hướng trên lộ trình trở thành trường cao đẳng CLC, đóng góp tích cực vào sự phát triển nguồn nhân lực của địa phương và khu vực

Phần III

MỤC TIÊU ĐỀ ÁN VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NGÀNH, NGHỀ TRỌNG ĐIỂM GIAI ĐOẠN 2026–2030

I. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT

Phấn đấu đáp ứng đầy đủ tiêu chí, tiêu chuẩn trường cao đẳng CLC và hoàn thiện hồ sơ đề nghị đánh giá, công nhận theo quy định; xây dựng Trường CĐKT thành cơ sở GDNN có uy tín khu vực phía Tây tỉnh Quảng Ngãi và khu vực miền Trung - Tây nguyên. Tập trung đào tạo nguồn nhân lực kỹ thuật trực tiếp có tay nghề cao, thích ứng tốt với công nghệ mới và hội nhập quốc tế; đóng vai trò là trung tâm đào tạo phục vụ kinh tế biên mậu và logistics trong hành lang phát triển CLV.

II. MỤC TIÊU CỤ THỂ

1. Về quy mô đào tạo

- Quy mô đào tạo tối thiểu 2.000 HSSV hệ trung cấp, cao đẳng (tính theo số HSSV quy đổi); trong đó tối thiểu 1.000 SV hệ cao đẳng.

- Có ít nhất 1 chương trình CLC hoặc chương trình được công nhận tương đương chuẩn quốc tế, khu vực ASEAN.

- Kết thúc khóa đào tạo, tỷ lệ bỏ học của HSSV hệ trung cấp, cao đẳng của toàn Trường không vượt quá 20% tổng số tuyển sinh; tỷ lệ bỏ học của HSSV ngành, nghề trọng điểm các cấp độ không vượt quá 10% tổng số tuyển sinh.

2. Về trình độ đội ngũ nhà giáo

- 100% nhà giáo giảng dạy ngành, nghề trọng điểm các cấp độ có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản hoặc tương đương trở lên theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT hoặc tương đương trở lên.

- Ít nhất 50% nhà giáo giảng dạy ngành, nghề trọng điểm các cấp độ có trình độ ngoại ngữ bậc 3 hoặc tương đương trở lên; ít nhất 30% nhà giáo giảng dạy ngành, nghề trọng điểm cấp độ quốc tế, khu vực ASEAN có trình độ ngoại ngữ bậc 4 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương trở lên.

- 100% nhà giáo có bằng cử nhân hoặc tương đương trở lên, phù hợp với ngành, nghề giảng dạy, trong đó ít nhất 30% nhà giáo giảng dạy ngành, nghề trọng điểm cấp độ quốc tế, khu vực ASEAN có trình độ thạc sĩ trở lên phù hợp với ngành, nghề giảng dạy.

- Ít nhất 70% đội ngũ nhà giáo có chứng chỉ kỹ năng nghề để giảng dạy thực hành trình độ cao đẳng hoặc văn bằng, chứng chỉ tương đương trở lên; trong đó nhà giáo giảng dạy ngành, nghề trọng điểm là 100%.

- Hằng năm, ít nhất 50% đội ngũ nhà giáo giảng dạy ngành, nghề trọng điểm các cấp độ được bồi dưỡng để cập nhật công nghệ mới thuộc lĩnh vực ngành, nghề giảng dạy với thời gian bồi dưỡng tối thiểu 80 giờ.

3. Về gắn kết với doanh nghiệp trong đào tạo và việc làm sau đào tạo

- Hằng năm, Trường cung cấp ít nhất 4 khóa hoặc lớp đào tạo, bồi dưỡng cho người lao động của doanh nghiệp; được doanh nghiệp và người lao động đánh giá có chất lượng và hiệu quả.

- Hằng năm, Trường có hoạt động hợp tác với trường nước ngoài hoặc tổ chức quốc tế góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.

- Thời gian đào tạo thực hành, thực tập tại doanh nghiệp chiếm ít nhất 25% tổng thời gian khóa học ngành, nghề trọng điểm các cấp độ, 20% đối với các ngành, nghề khác; có hoạt động gắn kết với doanh nghiệp để sản xuất, cung cấp các sản phẩm, dịch vụ.

- Các TBĐT đạt mức tương đương công nghệ tiên tiến áp dụng tại doanh nghiệp, đáp ứng yêu cầu triển khai CTĐT. Đối với ngành, nghề trọng điểm các cấp độ có ít nhất 30% TBĐT có trình độ công nghệ tiên tiến tại Việt Nam.

- Hằng năm, Trường hợp tác với doanh nghiệp để thực hiện ít nhất 1 đề tài NCKH ứng dụng thực tiễn hoặc chuyển giao công nghệ.

- Trong vòng 12 tháng kể từ khi tốt nghiệp, ít nhất 80% tổng số HSSV trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng tốt nghiệp có việc làm phù hợp với ngành, nghề được đào tạo; đối với ngành, nghề trọng điểm các cấp độ là 90%.

4. Về quản trị nhà trường

- Có môi trường giáo dục hiện đại, đồng bộ theo tiêu chí xanh, bao gồm các điều kiện thiết yếu cho người khuyết tật; an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường.

- Xây dựng và vận hành hệ thống BĐCL được người học, nhà giáo, nhân viên, đội ngũ lãnh đạo và quản lý đánh giá hoạt động hiệu quả.

- Các hoạt động của Trường được số hoá, kết nối, chia sẻ và tương tác; thực hiện quản trị, điều hành trường dựa trên dữ liệu và các công nghệ số. Trang thông tin điện tử của Trường được thể hiện ít nhất bằng 2 (hai) ngôn ngữ Việt và Anh, có đầy đủ các nội dung: Cam kết chất lượng đào tạo và chất lượng đào tạo thực tế; điều kiện BĐCL đào tạo; thu chi tài chính.

- Có hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến và bảo đảm các điều kiện cho đào tạo trực tuyến đối với ít nhất 50% môn học, mô đun của ngành, nghề trọng điểm các cấp độ.

- Triển khai hiệu quả các hoạt động hỗ trợ nhằm thúc đẩy phát triển các năng lực cá nhân và bảo đảm quyền lợi của người học, nhà giáo, nhân viên, cán bộ quản lý. Trường có các hoạt động hỗ trợ hiệu quả cho người khuyết tật và phục vụ cộng đồng.

- Khu vực thực hành bảo đảm đủ điều kiện theo quy định hiện hành về CSVC, thiết bị dạy học để đào tạo; được sắp xếp theo 3 cấp độ: Bảo đảm đào tạo các kỹ năng cơ bản chung, đào tạo các kỹ năng chuyên sâu và ứng dụng các kỹ năng đã học vào điều kiện làm việc thực tế.

- Hằng năm, có ít nhất 1 bài báo/công trình khoa học được công bố trên tạp chí khoa học được tính điểm hoặc ấn phẩm tương đương.

5. Trình độ học sinh, sinh viên sau đào tạo

- Trong 3 năm gần nhất, Trường có HSSV đạt giải tại các cuộc thi cấp quốc tế, khu vực và quốc gia do ngành GDNN phát động, tổ chức hoặc được tuyên dương xuất sắc, tiêu biểu cấp tỉnh, bộ, ngành, quốc gia hoặc có đề tài nghiên cứu ứng dụng được công nhận cấp tỉnh, bộ, ngành, quốc gia.

- Ít nhất 80% các doanh nghiệp được khảo sát khẳng định năng lực của HSSV tốt nghiệp hệ trung cấp, cao đẳng đáp ứng yêu cầu công việc.

- 100% HSSV tốt nghiệp có kiến thức, kỹ năng cơ bản sử dụng hiệu quả năng lượng và tài nguyên, bảo vệ môi trường.

- Hằng năm, có ít nhất 1 ý tưởng, dự án khởi nghiệp của HSSV được hỗ trợ đầu tư từ nguồn kinh phí phù hợp hoặc kết nối với các doanh nghiệp, các quỹ đầu tư mạo hiểm.

III. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NGÀNH, NGHỀ TRỌNG ĐIỂM

Theo Quyết định số 1769/QĐ-LĐTBXH ngày 25/11/2019, của Bộ trưởng Bộ LĐ-TB&XH phê duyệt ngành nghề trọng điểm; trường được lựa chọn ngành, nghề trọng điểm giai đoạn 2016-2020 và định hướng đến năm 2025, nhà trường được phê duyệt 4 ngành, nghề trọng điểm cấp độ quốc gia gồm: Trồng trọt; Chế tạo thiết bị cơ khí; Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử và Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính. Tuy nhiên, trong giai đoạn vừa qua, do tác động của thị trường lao động, biến động nhu cầu người học và điều kiện bảo đảm đào tạo, Trường hiện chỉ tổ chức đào tạo **3 ngành, nghề trọng điểm** ở trình độ trung cấp, gồm: Trồng trọt; Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính.

Trên cơ sở quy hoạch phát triển kinh tế – xã hội tỉnh Quảng Ngãi; định hướng phát triển công nghiệp, dịch vụ, du lịch và chăm sóc sức khỏe; căn cứ nhu

cầu sử dụng lao động của địa phương và khu vực, khả năng thu hút người học và năng lực đào tạo hiện có, Trường CĐKT xác định việc điều chỉnh và mở rộng danh mục ngành, nghề trọng điểm trong giai đoạn 2026–2030 là cần thiết nhằm bảo đảm tính phù hợp, hiệu quả và khả thi trong đầu tư; tập trung nguồn lực cho các ngành, nghề có nhu cầu lao động cao, ổn định, gắn với phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh; từng bước nâng cấp chất lượng đào tạo, đáp ứng tiêu chí trường cao đẳng CLC và hội nhập khu vực. Theo đó, Trường định hướng giữ ổn định 3 ngành, nghề trọng điểm đang đào tạo, đồng thời bổ sung các ngành, nghề có nhu cầu cao và khả năng phát triển bền vững, gồm: Điều dưỡng, Công nghệ ô tô và Lâm sinh.

Danh mục ngành, nghề trọng điểm giai đoạn 2026–2030

TT	Ngành, nghề	Cơ sở lựa chọn	Định hướng đầu tư, phát triển	Cấp độ đề xuất	Ghi chú
I	**Ngành, nghề trọng điểm tiếp tục duy trì**				
1	**Trồng trọt**	Phù hợp đặc thù nông – lâm nghiệp, vùng dân tộc thiểu số; nhu cầu lao động ổn định	Chuẩn hóa CTĐT; đầu tư thiết bị thực hành; gắn với sản xuất nông nghiệp bền vững	Quốc gia	Đã được phê duyệt tại QĐ số1769/QĐ-LĐTBXH
2	**Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử**	Phục vụ phát triển công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghiệp	Nâng cao chất lượng; tăng cường thực hành, gắn kết DN	Quốc gia	
3	**Kỹ thuật lắp ráp, sửa chữa máy tính**	Phù hợp chuyển đổi số, nhu cầu xã hội cao	Chuẩn hóa kỹ năng nghề; tích hợp kỹ năng số	Quốc gia	
II	**Ngành, nghề trọng điểm bổ sung trong giai đoạn 2026–2030**				
4	**Điều dưỡng**	Nhu cầu lớn trong chăm sóc sức khỏe, già hóa dân số, dịch vụ y tế	Đầu tư đồng bộ CSVC, mô phỏng; liên kết cơ sở y tế	ASEAN	Đề xuất với Bộ GD&ĐT bổ sung trong năm 2026
5	**Công nghệ ô tô**	Phù hợp phát triển công nghiệp – dịch vụ; nhu cầu lao động kỹ thuật cao	Đầu tư xưởng thực hành, thiết bị hiện đại; gắn với DN	Quốc gia	

TT	Ngành, nghề	Cơ sở lựa chọn	Định hướng đầu tư, phát triển	Cấp độ đề xuất	Ghi chú
6	**Lâm sinh**	Phù hợp thế mạnh lâm nghiệp, phát triển bền vững	Đầu tư đào tạo thực địa; ứng dụng công nghệ	Quốc gia	

Các ngành, nghề trọng điểm được xác định trong giai đoạn 2026–2030 là trụ cột trong lộ trình xây dựng Trường CĐKT thành trường cao đẳng CLC; là cơ sở để tập trung đầu tư đồng bộ về CTĐT, đội ngũ, CSVC, gắn kết doanh nghiệp và kiểm định chất lượng theo chuẩn quốc gia và khu vực.

Phần IV

NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

Căn cứ mục tiêu xây dựng Trường CĐKT trở thành trường cao đẳng CLC; kết quả đánh giá thực trạng theo các tiêu chí quy định tại Công văn số 1527/GDNN-GDTX; định hướng phát triển ngành, nghề trọng điểm giai đoạn 2026–2030 và các điều kiện thực tiễn của nhà trường, Đề án xác định các nhóm nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu như sau:

I. NHÓM NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP VỀ QUY MÔ ĐÀO TẠO

1. Nhiệm vụ

Ổn định và phát triển quy mô đào tạo hợp lý, bảo đảm đạt chuẩn HSSV quy đổi theo tiêu chí trường cao đẳng CLC, gắn với nhu cầu thị trường lao động và năng lực đào tạo thực tế.

2. Giải pháp chủ yếu

- Rà soát nhu cầu nhân lực của địa phương và doanh nghiệp theo từng ngành, nghề; xác định chỉ tiêu tuyển sinh và quy mô đào tạo giai đoạn 2026–2030 trên cơ sở nhu cầu thị trường lao động, năng lực đội ngũ và điều kiện CSVC của Trường, bảo đảm đạt quy mô HSSV quy đổi theo tiêu chí trường cao đẳng CLC.

- Mở rộng quy mô tuyển sinh theo hướng đào tạo đa trình độ, đa phương thức (chính quy, liên thông, đào tạo ngắn hạn, đào tạo theo đặt hàng). Tập trung tăng quy mô tuyển sinh đối với ngành, nghề trọng điểm; ngành, nghề có CTĐT đạt chuẩn, được doanh nghiệp tham gia và có cam kết sử dụng lao động.

- Ưu tiên phát triển quy mô đào tạo trình độ cao đẳng; từ năm 2026 trở đi, phấn đấu duy trì quy mô đào tạo đạt tối thiểu 2.000 HSSV quy đổi; kiểm soát chặt chẽ quy mô tuyển sinh trình độ trung cấp.

- Phát triển CTĐT các ngành, nghề hướng tới chuẩn khu vực ASEAN, đáp ứng xu thế chuyển dịch lao động trong tiểu vùng CLV.

- Đẩy mạnh tuyển sinh tại khu vực biên giới, vùng sâu vùng xa và đào tạo nguồn nhân lực kỹ thuật trực tiếp cho sản xuất, dịch vụ với CLC.

- Ứng dụng chuyển đổi số trong quản lý tuyển sinh và dự báo nhu cầu nhân lực.

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm giảm tỷ lệ HSSV bỏ học, cụ thể thông qua tư vấn tuyển sinh – hướng nghiệp, cố vấn học tập, dịch vụ hỗ trợ HSSV và chính sách hỗ trợ người học, đặc biệt là HSSV vùng khó khăn, đồng bào dân tộc thiểu số và chính sách học bổng khuyến khích dành riêng cho HSSV theo học các ngành, nghề trọng điểm. Đặc biệt thực hiện quyết liệt Đề án Bảo đảm sĩ số học sinh sinh viên từ đầu đến cuối khoá học[7]

(Có dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh và quy mô đào tạo giai đoạn 2026–2030 chi tiết tại Phụ lục VII kèm theo).

II. NHÓM NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP VỀ CHƯƠNG TRÌNH, GIÁO TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Nhiệm vụ

Chuẩn hóa, nâng cao chất lượng CTĐT theo chuẩn đầu ra gắn Khung trình độ quốc gia và chuẩn kỹ năng nghề quốc gia, đáp ứng yêu cầu trường cao đẳng CLC và định hướng phát triển ngành, nghề trọng điểm.

2. Giải pháp chủ yếu

- Rà soát, chuẩn hóa 100% CTĐT theo chuẩn đầu ra, Khung trình độ quốc gia, chuẩn kỹ năng nghề quốc gia; cấu trúc lại CTĐT để bảo đảm: Phù hợp cho việc triển khai có hiệu quả các mô hình đào tạo kép "Một chương trình – Hai địa điểm" , trong đó nội dung thực hành, thực tập tại doanh nghiệp phải đạt tối thiểu 25% đối với ngành, nghề trọng điểm và 20% đối với các ngành, nghề khác; có ít nhất 50% môn học, mô đun trong CTĐT được tổ chức đào tạo trực tuyến đối với các ngành, nghề trọng điểm và 30% đối với các ngành, nghề khác.

- Giữ ổn định và nâng cao chất lượng đào tạo đối với 3 ngành, nghề trọng điểm đang triển khai; đồng thời, chuẩn bị điều kiện để bổ sung các ngành, nghề có nhu cầu cao và khả năng phát triển bền vững như Điều dưỡng, Công nghệ ô tô và Lâm sinh vào danh mục ngành, nghề trọng điểm của nhà trường.

- Đẩy mạnh biên soạn, cập nhật giáo trình theo hướng tích hợp lý thuyết – thực hành; cập nhật công nghệ mới; phát triển học liệu số, giáo trình điện tử phục vụ đào tạo trực tiếp và trực tuyến.

---

[7] Quyết định số 216/QĐ-CĐKT ngày 15/8/2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kon Tum phê duyệt Đề án Bảo đảm sĩ số học sinh sinh viên từ đầu đến cuối khoá học.

- Tiếp tục duy trì và mở rộng việc tổ chức đào tạo theo CTĐT CLC đối với các ngành, nghề đào tạo; tổ chức đánh giá, đối sánh CTĐT các ngành, nghề trọng điểm theo chuẩn khu vực/ASEAN; lựa chọn 1 CTĐT trong số các CTĐT ngành, nghề trọng điểm (dự kiến ngành, nghề Điều dưỡng, trình độ cao đẳng) để cải tiến theo hướng tiếp cận chuẩn khu vực.

- Thực hiện kiểm định chất lượng CTĐT, ưu tiên các ngành, nghề trọng điểm; sử dụng kết quả kiểm định làm căn cứ điều chỉnh CTĐT và đầu tư nguồn lực.

III. NHÓM NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP VỀ PHÁT TRIỂN ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO VÀ VIÊN CHỨC QUẢN LÝ

1. Nhiệm vụ

Xây dựng đội ngũ nhà giáo, viên chức quản lý đủ về số lượng, đạt chuẩn về trình độ, đồng bộ về cơ cấu; đáp ứng yêu cầu triển khai CTĐT CLC và chuẩn khu vực.

2. Giải pháp chủ yếu

- Rà soát, đánh giá đội ngũ theo ngành, nghề và vị trí việc làm; xây dựng quy hoạch phát triển đội ngũ giai đoạn 2026–2030 theo tiêu chí trường cao đẳng CLC, bảo đảm đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu ngành, nghề, đáp ứng yêu cầu triển khai các ngành, nghề trọng điểm và CTĐT CLC.

- Xây dựng và triển khai kế hoạch phát triển đội ngũ theo lộ trình, ưu tiên tuyển dụng nhân lực có trình độ chuyên môn sâu, kinh nghiệm thực tiễn tại doanh nghiệp; thu hút chuyên gia, thỉnh giảng từ doanh nghiệp, cơ sở đào tạo uy tín trong và ngoài nước.

- Nâng cao trình độ chuyên môn và kỹ năng nghề cho nhà giáo thông qua đào tạo sau đại học, bồi dưỡng kỹ năng thực hành nghề và tham gia thực tế sản xuất tại doanh nghiệp để cập nhật công nghệ mới.

- Phát triển năng lực ngoại ngữ và kỹ năng hội nhập quốc tế cho đội ngũ nhà giáo, đặc biệt đối với nhà giáo tham gia giảng dạy các ngành, nghề định hướng đạt chuẩn khu vực ASEAN và hợp tác CLV.

- Chủ động xây dựng cơ chế thu hút chuyên gia, giảng viên có trình độ cao, nghệ nhân, chuyên gia doanh nghiệp tham gia giảng dạy; đồng thời đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét áp dụng các chính sách hỗ trợ, thu hút nguồn nhân lực CLC theo quy định.

IV. NHÓM NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ ĐÀO TẠO

1. Nhiệm vụ

Đầu tư đồng bộ CSVC, thiết bị đào tạo đáp ứng mức độ yêu cầu theo tiêu chí trường cao đẳng CLC, đặc biệt đối với ngành, nghề trọng điểm.

2. Giải pháp chủ yếu

- Cải tạo, nâng cấp phòng học, giảng đường theo hướng hiện đại, linh hoạt; từng bước số hóa; bảo đảm an toàn, an ninh và môi trường giáo dục xanh.

- Chuẩn hóa khu thực hành, xưởng thực tập theo chuẩn kỹ năng nghề; gắn đào tạo với mô hình doanh nghiệp – sản xuất – dịch vụ.

- Mua sắm, bổ sung thiết bị đào tạo cho tất cả các ngành, nghề Trường đang tổ chức đào tạo; ưu tiên đầu tư cho ngành, nghề trọng điểm; phấn đấu tối thiểu 30% thiết bị đạt trình độ công nghệ tiên tiến.

- Xây dựng kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm; rà soát, xác định nhu cầu đầu tư theo thứ tự ưu tiên; chuẩn bị đầy đủ hồ sơ đầu tư, mua sắm ngay từ đầu kỳ kế hoạch; tăng cường phối hợp với các cơ quan chuyên môn trong quá trình thẩm định, đấu thầu và mua sắm nhằm bảo đảm tiến độ triển khai các dự án đầu tư.

- Hoàn thiện điều kiện hỗ trợ HSSV, người khuyết tật; bảo đảm y tế học đường, PCCC và an toàn trường học.

V. NHÓM NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP VỀ GẮN KẾT DOANH NGHIỆP, TRÌNH ĐỘ HSSV VÀ VIỆC LÀM SAU ĐÀO TẠO

1. Nhiệm vụ

Thiết lập hệ sinh thái hợp tác doanh nghiệp; nâng cao chất lượng đầu ra, bảo đảm HSSV sau đào tạo đáp ứng yêu cầu thị trường lao động và tiêu chí trường cao đẳng CLC; tăng tỷ lệ HSSV có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo sau tốt nghiệp.

2. Giải pháp chủ yếu

- Chuẩn hóa và phát triển mạng lưới doanh nghiệp đối tác chiến lược theo Bộ tiêu chí lựa chọn doanh nghiệp mục tiêu giai đoạn 2025-2030 của nhà trường. Đẩy mạnh cơ chế hợp tác đồng xây dựng CTĐT, tham gia giảng dạy và đánh giá kỹ năng nghề.

- Mở rộng đào tạo theo đặt hàng, phấn đấu hằng năm, Trường cung cấp ít nhất 4 khóa hoặc lớp đào tạo, bồi dưỡng cho người lao động của doanh nghiệp, được doanh nghiệp và người lao động đánh giá có chất lượng và hiệu quả.

- Nhân rộng mô hình đào tạo kép "Một chương trình – Hai địa điểm", bảo đảm thời lượng đào tạo tại doanh nghiệp tối thiểu 1 năm đối với trình độ cao đẳng và 2/3 đến 1 năm đối với trình độ trung cấp.

- Kết nối việc làm và truyền thông để chuyển thông tin đầu ra thành hệ thống dữ liệu, kênh kết nối và thành công cụ quản trị, phục vụ đồng thời ba mục tiêu: Tăng niềm tin tuyển sinh; tăng trách nhiệm và động lực để doanh nghiệp tham gia hoạt động liên kết đào tạo với doanh nghiệp; tăng khả năng theo dõi chất lượng sau đào tạo.

- Tăng thời lượng thực hành, thực tập của HSSV tại doanh nghiệp.

- Xây dựng và vận hành hệ thống theo dõi HSSV sau tốt nghiệp (tracer study); định kỳ khảo sát doanh nghiệp sử dụng lao động. Thiết lập cơ chế sử dụng kết quả khảo sát doanh nghiệp và tracer study làm căn cứ bắt buộc để điều chỉnh CTĐT, phương pháp đào tạo và chuẩn đầu ra.

- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng và khuyến khích HSSV tham gia các cuộc thi kỹ năng nghề.

- Ký kết hợp tác với doanh nghiệp triển khai đề tài NCKH ứng dụng, thử nghiệm, chuyển giao công nghệ gắn với sản xuất – kinh doanh.

- Chuẩn hóa dịch vụ hỗ trợ HSSV theo chuẩn CLC: Tư vấn học tập, hướng nghiệp, việc làm, khởi nghiệp; phấn đấu trong vòng 12 tháng kể từ khi tốt nghiệp, ít nhất 80% tổng số HSSV trình độ trung cấp, cao đẳng tốt nghiệp có việc làm phù hợp với ngành, nghề được đào tạo; đối với ngành, nghề trọng điểm tỉ lệ có việc làm đạt 90%.

- Mở rộng hợp tác doanh nghiệp trong khu vực tam giác phát triển CLV nhằm tạo cơ hội việc làm xuyên biên giới cho HSSV.

VI. NHÓM NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP VỀ QUẢN TRỊ, BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

1. Nhiệm vụ

Xây dựng mô hình quản trị hiện đại, minh bạch, dựa trên dữ liệu; bảo đảm và không ngừng cải tiến chất lượng theo chuẩn trường cao đẳng CLC.

2. Giải pháp chủ yếu

- Hoàn thiện hệ thống BĐCL nội bộ; duy trì tự đánh giá và cải tiến chất lượng hằng năm theo tiêu chí trường cao đẳng CLC.

- Thực hiện tái kiểm định chất lượng cơ sở GDNN và CTĐT (Trồng trọt, Công nghệ ô tô, Điều dưỡng, Giáo dục Mầm non) theo chu kỳ; tiếp tục kiểm định chất lượng chuẩn quốc gia đối với các CTĐT của nhà trường theo lộ trình, trong

đó ưu tiên ngành, nghề trọng điểm và kiểm định ít nhất 1 CTĐT theo chuẩn ASEAN; chuẩn bị điều kiện để được công nhận trường cao đẳng CLC.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản trị, đào tạo, BĐCL; phát triển hệ thống quản lý đào tạo, LMS, học liệu số và kho minh chứng điện tử.

- Nâng cao năng lực số cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và HSSV; từng bước triển khai đào tạo trực tuyến, đào tạo kết hợp đối với các môn học, mô đun phù hợp.

Phần V

LỘ TRÌNH, KINH PHÍ VÀ CƠ CHẾ THỰC HIỆN

I. LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

Giai đoạn	Nhiệm vụ chính	Thời gian thực hiện	Mốc thời gian hoàn thành
I	**Giai đoạn 1 (đến năm 2028)**		
1	Phát triển quy mô đào tạo, bảo đảm quy mô tối thiểu 2000 HSSV trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng quy đổi, trong đó tối thiểu 1000 SV trình độ cao đẳng; kiểm soát tỷ lệ HSSV bỏ học ngành, nghề trọng điểm ≤10%; ngành nghề khác ≤20%).	Từ năm 2026	Thực hiện hằng năm
2	Phát triển chương trình, giáo trình của các ngành nghề Trường đang tổ chức đào tạo, đặc biệt chú trọng các chương trình, giáo trình của ngành, nghề trọng điểm theo định hướng	Từ năm 2026	Đến năm 2030
3	Phát triển trình độ đội ngũ: - Chuẩn hóa trình độ ngoại ngữ của nhà giáo (bảo đảm ≥50% nhà giáo tham gia giảng dạy ngành, nghề trọng điểm quốc gia đạt ngoại ngữ bậc 3, ASEAN ≥ bậc 4). - Chuẩn hóa trình độ kỹ năng nghề của 100% nhà giáo cơ hữu của Trường, đặc biệt các nhà giáo tham gia giảng dạy ngành, nghề trọng điểm. - Bồi dưỡng, cập nhật công nghệ mới ≥80 giờ/năm đối với ≥50% nhà giáo tham gia giảng dạy ngành, nghề trọng điểm	Từ năm 2026	Hoàn thành năm 2027 và duy trì hằng năm
4	Phát triển hoạt động gắn kết với doanh nghiệp và việc làm sau đào tạo: Liên kết đào tạo, đào tạo theo đặt hàng, tổ chức thực tập, thực hành tại doanh nghiệp.	Từ năm 2026	Thực hiện hằng năm

Giai đoạn	Nhiệm vụ chính	Thời gian thực hiện	Mốc thời gian hoàn thành
5	Đầu tư CSVC, TBĐT cho các ngành, nghề trường đang tổ chức đào tạo. Đặc biệt là các ngành nghề trọng điểm theo tiêu chuẩn, định mức; từng bước hiện đại hóa, bảo đảm tính đồng bộ.	Từ năm 2026	Đến năm 2028
6	Tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN và CTĐT theo tiêu chuẩn kiểm định trong nước, hoàn thiện hệ thống BĐCL	Từ năm 2026	Thực hiện hằng năm
7	Kiểm định cơ sở GDNN và CTĐT ngành, nghề Trồng trọt, trình độ trung cấp; CTĐT trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non (chu kỳ 2)	Năm 2027	Năm 2027
8	Số hóa chương trình, giáo trình đào tạo, học liệu số	Từ năm 2027	Đến năm 2028
II	**Giai đoạn II (đến năm 2030)**		
1	Duy trì ổn định quy mô đào tạo đạt chuẩn liên tục 3 năm (2028–2030) theo quy định.	Từ năm 2028	Đến năm 2030
2	Triển khai đào tạo chương trình CLC/tiệm cận chuẩn khu vực; chuẩn bị và thực hiện kiểm định CTĐT.	Từ năm 2028	Đến năm 2030
3	Duy trì và nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo của Trường. Đặc biệt chú trọng các ngành, nghề trọng điểm đáp ứng yêu cầu 3 năm liên tục theo tiêu chí trường cao đẳng CLC.	Từ năm 2028	Đến năm 2030
4	Duy trì hiệu quả gắn kết doanh nghiệp: Bảo đảm tỷ lệ thời gian đào tạo tại doanh nghiệp ≥25% đối với ngành, nghề trọng điểm, 20% đối với các ngành nghề còn lại; nâng cao tỷ lệ HSSV có việc làm sau tốt nghiệp.	Từ năm 2028	Đến năm 2030
5	Hoàn thiện hệ thống quản trị nhà trường, chuyển đổi số, BĐCL và cơ sở dữ liệu phục vụ tự đánh giá, đăng ký công nhận trường cao đẳng CLC.	Từ năm 2028	Năm 2030

II. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Tổng kinh phí thực hiện Đề án xây dựng Trường CĐKT thành trường cao đẳng CLC giai đoạn 2026–2030 là **409.374 triệu đồng** (Bằng chữ: Bốn trăm lẻ chín tỷ ba trăm bảy mươi bốn triệu đồng). Trong đó:

1. Phân theo nguồn ngân sách

Kinh phí thực hiện Đề án từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành, lồng ghép trong các chương trình, kế hoạch, dự án khác

theo quy định của Luật NSNN, Luật đầu tư công và các văn bản hướng dẫn có liên quan; từ nguồn thu hợp pháp của Trường. Cụ thể:

- Ngân sách Trung ương: 216.309 triệu đồng từ các Chương trình mục tiêu quốc gia (Vốn đầu tư: 187.288 triệu đồng; vốn sự nghiệp: 29.021 triệu đồng).

- Ngân sách địa phương: 185.168 triệu đồng (Vốn đầu tư: 181.133 triệu đồng; vốn sự nghiệp: 4.035 triệu đồng).

- Nguồn kinh phí của Trường: 7.897 triệu đồng.

(Có Tổng hợp dự toán kinh phí triển khai Đề án chi tiết tại Phụ lục VIII kèm theo).

2. Phân theo nhiệm vụ thực hiện

- Phát triển chương trình, giáo trình đào tạo và ngành, nghề trọng điểm: 4.740 triệu đồng. Trong đó, vốn sự nghiệp ngân sách trung ương: 4.000 triệu đồng; nguồn kinh phí của Trường: 740 triệu đồng *(có chi tiết tại Phụ lục IX kèm theo).*

- Phát triển đội ngũ: 4.472 triệu đồng. Trong đó, vốn sự nghiệp ngân sách trung ương: 2.780 triệu đồng; nguồn kinh phí của Trường: 1.692 triệu đồng *(có chi tiết tại Phụ lục Xa và Xb kèm theo).*

- Đầu tư CSVC, TBĐT: 388.357 triệu đồng (Vốn đầu tư ngân sách trung ương: 184.788 triệu đồng; vốn sự nghiệp ngân sách trung ương: 19.641 triệu đồng; vốn đầu tư ngân sách địa phương: 181.133 triệu đồng; nguồn kinh phí của Trường: 2.795 triệu đồng). Trong đó:

+ Đầu tư CSVC: 117.525 triệu đồng. Trong đó, vốn đầu tư ngân sách trung ương: 94.000 triệu đồng; vốn đầu tư ngân sách địa phương: 20.730 triệu đồng; nguồn kinh phí của Trường: 2.795 triệu đồng (có chi tiết tại Phụ lục XIa kèm theo);

+ Đầu tư TBĐT: 270.832 triệu đồng. Trong đó, vốn đầu tư ngân sách trung ương: 90.788 triệu đồng; vốn sự nghiệp ngân sách trung ương: 19.641 triệu đồng; vốn đầu tư ngân sách địa phương: 160.403 triệu đồng (có chi tiết tại Phụ lục XIb kèm theo).

- Đầu tư phát triển hoạt động gắn kết doanh nghiệp và việc làm sau đào tạo: 1.020 triệu đồng. Trong đó, vốn sự nghiệp ngân sách trung ương: 600 triệu đồng; nguồn kinh phí của Trường: 420 triệu đồng *(có chi tiết tại Phụ lục XII kèm theo).*

- BĐCL và kiểm định: 3.785 triệu đồng. Trong đó, vốn sự nghiệp ngân sách trung ương: 2.000 triệu đồng; vốn sự nghiệp ngân sách địa phương: 835 triệu đồng; nguồn kinh phí của Trường: 950 triệu đồng *(có chi tiết tại Phụ lục XIII kèm theo).*

- Chuyển đổi số toàn diện: 7.000 triệu đồng. Trong đó, vốn đầu tư ngân sách trung ương: 2.500 triệu đồng; vốn sự nghiệp ngân sách đại phương: 3.200 triệu đồng; nguồn kinh phí của Trường: 1.300 triệu đồng *(có chi tiết tại Phụ lục XIV kèm theo).*

(Nhu cầu kinh phí đầu tư cho phát triển đội ngũ, CSVC và thiết bị đào tạo được tính toán trên cơ sở dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh và quy mô đào tạo giai đoạn 2026–2030).

3. Đánh giá tính khả thi trong huy động và sử dụng nguồn lực

Việc huy động và sử dụng nguồn lực để thực hiện Đề án xây dựng CĐKT thành trường cao đẳng CLC giai đoạn 2026–2030 được xác định dựa trên các căn cứ pháp lý vững chắc và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Với tổng nhu cầu kinh phí là **409.374 triệu đồng**, tính khả thi trong việc huy động các nguồn vốn được phân tích cụ thể như sau:

- Về khả năng huy động nguồn lực: Nguồn vốn ngân sách Trung ương (chiếm khoảng 50% tổng mức đầu tư) có tính khả thi cao khi bám sát Nghị quyết số 249/2025/QH15 của Quốc hội về Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026–2035. Trong đó, nhà trường thuộc đối tượng thụ hưởng trực tiếp để đầu tư trọng điểm thành cơ sở đào tạo nhân lực kỹ năng nghề cao. Đối với ngân sách địa phương, việc triển khai Đề án hoàn toàn thống nhất với Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 06/02/2026, Quyết định số 788/QĐ-UBND ngày 27/02/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2026–2030 tầm nhìn đến 2050 tạo cơ sở chính trị và pháp lý quan trọng để tỉnh cân đối nguồn vốn đầu tư công và vốn sự nghiệp hàng năm. Tuy nhiên, do đặc thù là đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ một phần chi thường xuyên ở mức thấp (23%), khả năng xã hội hóa trực tiếp vào các hạng mục đầu tư hạ tầng là chưa khả thi. Do đó, nhà trường đã chủ động đề xuất điều chỉnh cơ cấu, chuyển phần kinh phí này sang nguồn ngân sách nhà nước để bảo đảm tính thực tiễn và tiến độ thực hiện các hạng mục trọng điểm.

- Về hiệu quả sử dụng nguồn lực: Cơ cấu chi tiêu được thiết kế tập trung, có trọng điểm nhằm tối ưu hóa giá trị đầu tư. Phần lớn nguồn lực (khoảng 388.357 triệu đồng) được ưu tiên cho CSVC và trang thiết bị đào tạo, bảo đảm đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn, định mức theo Thông tư số 35/2021/TT-BLĐTBXH về trường cao đẳng CLC. Bên cạnh đó, việc lồng ghép kinh phí chuyển đổi số (7.000 triệu đồng) vào hạ tầng công nghệ thông tin và học liệu số không chỉ phù hợp với Kế hoạch số 38/KH-UBND của UBND tỉnh mà còn tạo ra hệ sinh thái quản trị hiện đại, giúp nâng cao năng suất và chất lượng đào tạo. Các nguồn vốn sự nghiệp cũng được tách bạch rõ ràng cho công tác đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và phát

triển chương trình, bảo đảm tuân thủ đúng hướng dẫn tại Thông tư số 100/2025/TT-BTC, từ đó giúp quản lý tài chính minh bạch, tiết kiệm và đạt hiệu quả cao nhất trong từng giai đoạn của Đề án.

III. CƠ CHẾ KIỂM TRA, GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Nguyên tắc kiểm tra, giám sát

- Công tác kiểm tra, giám sát và đánh giá việc thực hiện Đề án bảo đảm tính khách quan, công khai, minh bạch và tuân thủ quy định pháp luật hiện hành.

- Gắn kết giữa kiểm tra, giám sát tiến độ, chất lượng với đánh giá hiệu quả, mức độ hoàn thành mục tiêu của từng nhiệm vụ, từng giai đoạn.

- Xác định rõ trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị liên quan trong triển khai thực hiện Đề án; kịp thời phát hiện khó khăn, vướng mắc, bất cập phát sinh trong quá trình thực hiện để kiến nghị cấp có thẩm quyền điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tiễn.

2. Cơ chế kiểm tra, giám sát

- UBND tỉnh chỉ đạo, theo dõi, đôn đốc các sở, ngành và Trường CĐKT tổ chức triển khai thực hiện Đề án bảo đảm đúng mục tiêu, nội dung, tiến độ và nguồn lực đã phê duyệt.

- Sở GD&ĐT chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan kiểm tra, giám sát và đánh giá tiến độ triển khai các nhiệm vụ của Đề án; hướng dẫn nhà trường tổ chức thực hiện các nội dung của Đề án phù hợp với các quy định hiện hành và tiêu chí trường cao đẳng CLC.

- Sở Tài chính phối hợp kiểm tra, giám sát việc sử dụng kinh phí thực hiện Đề án bảo đảm đúng quy định, hiệu quả và tiết kiệm.

- Trường CĐKT xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Đề án theo từng năm; tổ chức cơ chế tự giám sát nội bộ, tự đánh giá việc thực hiện các nhiệm vụ, chỉ tiêu của Đề án; định kỳ tổ chức kiểm tra, rà soát kết quả thực hiện tại các đơn vị thuộc Trường.

- Các đơn vị thuộc Trường căn cứ nhiệm vụ được giao trong Đề án tổ chức triển khai thực hiện; chủ động theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của đơn vị mình; cung cấp đầy đủ số liệu, báo cáo và minh chứng phục vụ công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá chung của nhà trường và cơ quan quản lý nhà nước.

3. Chế độ báo cáo

- Trường CĐKT có trách nhiệm định kỳ hằng năm tổng hợp tình hình triển khai, tiến độ thực hiện các nhiệm vụ của Đề án; đánh giá kết quả đạt được, những

khó khăn, vướng mắc và đề xuất giải pháp thực hiện trong thời gian tiếp theo; gửi báo cáo về Sở GD&ĐT để tổng hợp.

- Sở GD&ĐT tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện Đề án và báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

- Trường hợp cần thiết, các cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra, đánh giá đột xuất việc triển khai thực hiện Đề án nhằm kịp thời chấn chỉnh, tháo gỡ khó khăn, bảo đảm việc thực hiện Đề án đúng mục tiêu và lộ trình đề ra.

4. Tổng kết, đánh giá Đề án

a) Đánh giá giữa kỳ

- Thời gian thực hiện: Năm thứ 3 triển khai Đề án (dự kiến năm 2028).

- Nội dung đánh giá: Mức độ hoàn thành các chỉ tiêu trung hạn; hiệu quả sử dụng nguồn vốn; các bất cập trong quá trình triển khai, năng lực thực hiện và mức độ phù hợp của mục tiêu.

- Kết quả đánh giá giữa kỳ là cơ sở để Trường CĐKT tham mưu UBND tỉnh (thông qua Sở GD&ĐT) xem xét điều chỉnh lộ trình, nhiệm vụ hoặc bổ sung nguồn lực thực hiện Đề án cho phù hợp tình hình thực tiễn.

b) Tổng kết cuối kỳ

- Thời gian thực hiện: Năm kết thúc Đề án (năm 2030).

- Nội dung tổng kết: Đánh giá toàn diện mức độ đạt mục tiêu, chỉ tiêu theo từng nhóm tiêu chí trường cao đẳng CLC; phân tích tác động đối với hệ thống GDNN của tỉnh, doanh nghiệp, người học và thị trường lao động; rút kinh nghiệm và đề xuất định hướng phát triển Trường CĐKT cho giai đoạn tiếp theo sau năm 2030.

Phần VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Ban Chỉ đạo xây dựng trường cao đẳng chất lượng cao

- Chỉ đạo chung, toàn diện việc tổ chức triển khai Đề án theo đúng mục tiêu, nội dung, lộ trình đã được phê duyệt.

- Quyết định các nhiệm vụ trọng tâm, giải pháp then chốt; điều phối hoạt động giữa các đơn vị trong Trường nhằm bảo đảm tiến độ và chất lượng thực hiện Đề án.

- Kiểm tra, giám sát, đánh giá định kỳ kết quả thực hiện; kịp thời chỉ đạo điều chỉnh, bổ sung các nội dung chưa phù hợp với yêu cầu thực tiễn và quy định hiện hành.

2. Phòng Quản lý Đào tạo và Bảo đảm chất lượng

- Chủ trì tham mưu xây dựng, rà soát, điều chỉnh quy mô đào tạo, cơ cấu ngành, nghề và CTĐT đáp ứng các tiêu chí trường cao đẳng CLC.

- Tổ chức triển khai các CTĐT CLC, chương trình được công nhận tương đương chuẩn khu vực, quốc tế; theo dõi, đánh giá kết quả đào tạo; phối hợp với các khoa, phòng liên quan trong quản lý hoạt động giảng dạy, học tập; bảo đảm tiến độ, chất lượng đào tạo và tỷ lệ hoàn thành khóa học theo yêu cầu của Đề án.

- Chủ trì tham mưu theo dõi, giám sát việc triển khai thực hiện mô hình đào tạo kép "Một chương trình – Hai địa điểm" tại các khoa thuộc Trường theo các Phương án đã được Hiệu trưởng nhà trường phê duyệt.

- Chủ trì xây dựng, vận hành hệ thống BĐCL bên trong; tổ chức tự đánh giá, đánh giá ngoài và cải tiến chất lượng theo các tiêu chí của trường cao đẳng CLC; tiêu chuẩn kiểm định chất lượng quốc gia/khu vực.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị thuộc Trường chuẩn bị đầy đủ hồ sơ phục vụ đánh giá ngoài, công nhận trường cao đẳng CLC theo quy định.

3. Phòng Tổ chức cán bộ và Công tác học sinh, sinh viên

- Tham mưu công tác tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, tuyển dụng, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và viên chức theo tiêu chuẩn trường cao đẳng CLC.

- Chủ trì theo dõi, tổng hợp các tiêu chí liên quan đến trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, tin học, kỹ năng nghề của đội ngũ nhà giáo.

- Tổ chức các hoạt động quản lý, hỗ trợ HSSV; theo dõi tỷ lệ bỏ học, rèn luyện, việc làm sau tốt nghiệp, bảo đảm quyền lợi và môi trường học tập an toàn, lành mạnh.

4. Phòng Tổng hợp - Hành chính và Quản trị

- Bảo đảm các điều kiện về CSVC, môi trường giáo dục, hạ tầng kỹ thuật phục vụ triển khai Đề án theo hướng hiện đại, đồng bộ, xanh và thân thiện.

- Tham mưu công tác hành chính, tổng hợp, văn thư, lưu trữ; bảo đảm thông tin, báo cáo phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành.

- Phối hợp triển khai các nội dung liên quan đến chuyển đổi số, quản trị nhà trường dựa trên dữ liệu.

5. Phòng Tài chính - Kế toán

- Tham mưu xây dựng dự toán, quản lý, sử dụng hiệu quả các nguồn kinh phí thực hiện Đề án theo đúng quy định.

- Theo dõi, tổng hợp, báo cáo tình hình tài chính phục vụ các tiêu chí về công khai, minh bạch tài chính trong trường cao đẳng CLC.

- Phối hợp với các đơn vị liên quan trong việc huy động, quản lý các nguồn lực hợp pháp phục vụ triển khai Đề án.

6. Phòng Quản lý khoa học công nghệ và Hợp tác phát triển

- Chủ trì phối hợp tham mưu tổ chức vận hành mô hình hợp tác toàn diện ba bên: Nhà trường – Chính quyền địa phương – Doanh nghiệp trong đào tạo và giải quyết việc làm tại các địa phương theo Phương án 06/PA-CĐKT ngày 12/12/2025 đã được Hiệu trưởng nhà trường phê duyệt; lựa chọn doanh nghiệp mục tiêu để liên kết đào tạo, đào tạo theo đặt hàng giai đoạn 2025-2030.

- Chủ trì tham mưu kết nối với doanh nghiệp, quỹ đầu tư, tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp để hỗ trợ ít nhất mỗi năm một ý tưởng, dự án khởi nghiệp của HSSV; tổ chức khảo sát ý kiến người học, nhà giáo, doanh nghiệp về chất lượng đào tạo; tổng hợp, phân tích và tham mưu giải pháp nâng cao chất lượng.

- Chủ trì tham mưu tổ chức hoạt động NCKH, chuyển giao công nghệ; phối hợp với doanh nghiệp thực hiện các đề tài NCKH ứng dụng phục vụ thực tiễn; tham mưu, triển khai các hoạt động hợp tác trong nước và quốc tế nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, năng lực đội ngũ và vị thế của Trường; theo dõi, tổng hợp các chỉ số về hợp tác quốc tế, phục vụ đánh giá tiêu chí trường cao đẳng CLC.

- Chủ trì tham mưu tổ chức các hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp cho HSSV; ươm tạo, hỗ trợ phát triển ý tưởng, dự án khởi nghiệp theo tiêu chí của Đề án; phối hợp tham mưu tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng khởi nghiệp sáng tạo cho người học.

7. Các khoa thuộc Trường

- Tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn của Đề án tại đơn vị; trực tiếp thực hiện đào tạo, NCKH, hợp tác doanh nghiệp.

- Chủ động đổi mới phương pháp giảng dạy, đánh giá người học; nâng cao chất lượng đào tạo, kỹ năng nghề và năng lực thực hành của HSSV.

- Phối hợp cung cấp số liệu, minh chứng phục vụ công tác theo dõi, đánh giá thực hiện Đề án.

8. Ban soạn thảo Đề án

- Chủ trì tham mưu xây dựng, hoàn thiện nội dung Đề án và các báo cáo liên quan trong quá trình triển khai.

- Theo dõi, tổng hợp tình hình thực hiện Đề án; đề xuất điều chỉnh, bổ sung nội dung phù hợp với yêu cầu thực tiễn và quy định của cơ quan có thẩm quyền.

- Phối hợp với các đơn vị trong và ngoài Trường chuẩn bị hồ sơ, tài liệu phục vụ công tác thẩm định, đánh giá và công nhận trường cao đẳng CLC.

Phần VII

ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ CỦA ĐỀ ÁN

1. Đối với kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Ngãi

Đề án góp phần đáp ứng nhu cầu nhân lực CLC cho phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh, đặc biệt là đội ngũ lao động kỹ thuật phục vụ các ngành, nghề mũi nhọn như công nghiệp chế biến – chế tạo, năng lượng, nông nghiệp công nghệ cao, du lịch và dịch vụ y tế. Nguồn nhân lực được đào tạo bài bản, có kỹ năng nghề vững, kỹ năng số và khả năng thích ứng nhanh với công nghệ mới sẽ tạo nền tảng quan trọng cho quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa của tỉnh.

Cùng với đó, lực lượng lao động CLC trở thành yếu tố cạnh tranh cốt lõi, giúp tỉnh Quảng Ngãi nâng cao năng suất lao động và gia tăng sức hút đối với các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Việc hình thành đội ngũ nhân lực đạt chuẩn quốc gia và tiếp cận chuẩn khu vực góp phần tạo môi trường đầu tư ổn định, hấp dẫn, hỗ trợ sự phát triển của các khu kinh tế và khu công nghiệp trên địa bàn.

Đề án cũng mang lại tác động tích cực đến thị trường lao động thông qua giảm tỷ lệ thất nghiệp, mở rộng cơ hội việc làm và nâng cao thu nhập cho người dân. HSSV tốt nghiệp được trang bị đầy đủ kỹ năng, có việc làm ổn định và thu nhập cao hơn, qua đó cải thiện chất lượng sống và góp phần bảo đảm an sinh xã hội.

Mặt khác, Trường CĐKT với vai trò hạt nhân CLC sẽ thúc đẩy đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong hệ thống GDNN của tỉnh. Các mô hình đào tạo thông minh, học tập qua mô phỏng ảo, thực hành trên thiết bị số và quản trị trường học hiện đại được phát triển và chia sẻ, tạo động lực đổi mới toàn diện mạng lưới cơ sở GDNN của tỉnh.

Đáng chú ý, việc hình thành cơ sở GDNN CLC tại khu vực phía Tây tỉnh Quảng Ngãi còn góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho khu vực Tam giác phát triển CLV thông qua nâng cao kỹ năng của lực lượng lao động khu vực biên giới, tạo điều kiện thuận lợi cho hợp tác kinh tế, thương mại, du lịch và dịch vụ giữa các tỉnh giáp ranh.

2. Đối với người học

Đề án góp phần nâng cao rõ rệt cơ hội việc làm và mức thu nhập của người học. HSSV được đào tạo theo các chương trình tiên tiến, gắn chặt với nhu cầu doanh nghiệp và được rèn luyện tay nghề trên hệ thống thiết bị đạt chuẩn công nghiệp. Nhờ đó, tỷ lệ HSSV có việc làm sau tốt nghiệp được kỳ vọng tăng mạnh, đạt trên 90% đối với các ngành, nghề trọng điểm.

Bên cạnh năng lực chuyên môn, người học còn được phát triển toàn diện về kỹ năng nghề, kỹ năng mềm và năng lực thích ứng. Việc tiếp cận mô hình dạy – học theo năng lực, sử dụng công nghệ mô phỏng ảo và các nền tảng chuyển đổi số giúp nâng cao hiệu quả học tập và mở rộng cơ hội học liên thông, công nhận kỹ năng nghề cũng như tiếp cận thị trường lao động trong nước và quốc tế.

Người học được thụ hưởng môi trường đào tạo hiện đại, an toàn và thân thiện, với hệ thống dịch vụ hỗ trợ được tăng cường như tư vấn nghề nghiệp, hỗ trợ khởi nghiệp, mô hình trải nghiệm thực tế tại doanh nghiệp. Điều này góp phần hình thành tác phong công nghiệp, nâng cao sự tự tin và năng lực hội nhập cho HSSV sau khi ra trường.

3. Đối với doanh nghiệp

Đề án góp phần tạo ra nguồn nhân lực CLC, đáp ứng đúng nhu cầu của doanh nghiệp và thị trường lao động. HSSV tốt nghiệp có tay nghề vững, tác phong chuyên nghiệp và khả năng làm việc ngay, giúp doanh nghiệp giảm đáng kể chi phí tuyển dụng, đào tạo lại và rủi ro trong quá trình sử dụng lao động.

Bên cạnh đó, Đề án mở rộng hợp tác đào tạo – sản xuất với doanh nghiệp theo hướng thực chất và đôi bên cùng có lợi. Doanh nghiệp được tham gia trực tiếp vào quá trình xác định chuẩn đầu ra, xây dựng CTĐT, tổ chức đào tạo thực hành và đánh giá kỹ năng nghề. Đây là nền tảng quan trọng để phát triển các mô hình liên kết R&D, ươm tạo công nghệ, chuyển giao kỹ thuật và đặt hàng sản phẩm, dịch vụ từ nhà trường.

Trên cơ sở đó, mô hình liên kết "Nhà trường – Doanh nghiệp – Người học – Nhà nước" được củng cố và vận hành hiệu quả hơn, góp phần hình thành một hệ sinh thái đào tạo – sản xuất – dịch vụ bền vững, tạo động lực nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và thúc đẩy phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh Quảng Ngãi trong giai đoạn mới.

4. Đối với Trường Cao đẳng Kon Tum

Việc triển khai Đề án góp phần nâng cao năng lực đào tạo, uy tín và thương hiệu của Trường CĐKT. Chất lượng đào tạo được chuẩn hóa theo các tiêu chí trường cao đẳng CLC, từ đó củng cố vị thế của Trường trong hệ thống GDNN và nâng cao khả năng cạnh tranh.

Đề án đồng thời tạo điều kiện phát triển đội ngũ nhà giáo theo hướng đạt chuẩn về trình độ, kỹ năng nghề, năng lực ngoại ngữ và ứng dụng công nghệ; qua đó hình thành đội ngũ chuyên gia đầu ngành ở một số lĩnh vực trọng điểm, đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực CLC.

Song song đó, CSVC và trang TBĐT được hiện đại hóa theo hướng đồng bộ, tiên tiến, bao gồm hệ thống phòng thực hành, xưởng thực nghiệm và mô hình

mô phỏng ảo đạt chuẩn kiểm định; giúp nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng phục vụ đào tạo và các hoạt động dịch vụ của nhà trường.

Cuối cùng, Đề án góp phần đổi mới mô hình quản trị nhà trường, áp dụng hệ thống quản trị số và các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng quốc gia, quốc tế; đồng thời xây dựng hệ thống BĐCL bên trong theo hướng chuyên nghiệp, bài bản, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững trong giai đoạn mới. Từ đó, đưa nhà trường trở thành một trong những cơ sở GDNN trọng điểm của tỉnh, khu vực miền Trung - Tây Nguyên và góp phần đào tạo nguồn nhân lực phục vụ hợp tác phát triển trong khu vực Tam giác phát triển CLV.

Phần VIII

ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đối với Bộ Giáo dục và Đào tạo

Kính đề nghị Bộ GD&ĐT xem xét, tổng hợp và trình cấp có thẩm quyền để đưa Trường CĐKT vào danh sách các trường cao đẳng có năng lực đào tạo tốt, gần đáp ứng các tiêu chí của trường cao đẳng CLC; bố trí nguồn lực đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hoá, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026–2030 nhằm thực hiện chức năng trung tâm vùng đào tạo và thực hành nghề CLC, gắn với nâng cao năng lực, hỗ trợ đào tạo nghề cho HSSV vùng tam giác phát triển CLV với nhu cầu kinh phí giai đoạn 2026–2030 khoảng 409.374 triệu đồng; hướng dẫn các Trường thực hiện đăng ký, điều chỉnh danh mục ngành, nghề trọng điểm phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; đồng thời ban hành quy trình công nhận ngành, nghề trọng điểm đối với các trường đã thực hiện đăng ký, điều chỉnh.

2. Đối với Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi

- Kính đề nghị UBND tỉnh Quảng Ngãi xem xét, phê duyệt Đề án làm cơ sở pháp lý để nhà trường triển khai các bước tiếp theo, đồng thời đưa các mục tiêu của Đề án vào Nghị quyết phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh giai đoạn 2026–2030; quan tâm chỉ đạo, tạo điều kiện về cơ chế, chính sách đặc thù để Trường CĐKT triển khai thực hiện thành công Đề án xây dựng trường cao đẳng CLC theo đúng mục tiêu, lộ trình đã đề ra.

- Kính đề nghị UBND tỉnh Quảng Ngãi ưu tiên bố trí vốn đầu tư công trung hạn và nguồn kinh phí đầu tư, kinh phí sự nghiệp hằng năm để tập trung nâng cấp hạ tầng, trang thiết bị đào tạo, chuyển đổi số và phát triển đội ngũ nhà giáo theo tiêu chuẩn trường cao đẳng CLC.

- Kính đề nghị UBND tỉnh Quảng Ngãi chỉ đạo các sở, ngành, địa phương phối hợp chặt chẽ với nhà trường trong quá trình tổ chức thực hiện và giám sát, đánh giá Đề án.

3. Đối với các sở, ngành liên quan

a) Sở Giáo dục và Đào tạo

- Chủ trì, phối hợp tham mưu UBND tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về GDNN đối với nhà trường; hướng dẫn thực hiện các tiêu chí, tiêu chuẩn trường cao đẳng CLC theo quy định của Bộ GD&ĐT.

- Phối hợp tham mưu UBND tỉnh trong công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Đề án; đề xuất các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh.

- Hỗ trợ nhà trường trong công tác đăng ký, tổ chức đánh giá ngoài và công nhận trường cao đẳng CLC theo quy định.

b) Sở Tài chính

- Trên cơ sở báo cáo nhu cầu kinh phí thực hiện Đề án của Trường và khả năng cân đối ngân sách, Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí để triển khai thực hiện Đề án theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các quy định hiện hành.

- Hướng dẫn nhà trường các quy định về quản lý tài sản công, cơ chế tự chủ tài chính và các quy trình quyết toán kinh phí theo đúng quy định hiện hành.

- Tham mưu đưa danh mục các công trình xây dựng, sửa chữa lớn của nhà trường vào kế hoạch đầu tư công trung hạn của tỉnh giai đoạn 2026 - 2030.

- Hỗ trợ nhà trường trong việc tìm kiếm, thu hút các nguồn vốn hợp pháp khác (vốn ODA, vốn xã hội hóa) để đầu tư cho các ngành, nghề trọng điểm.

c) Sở Nội vụ:

Phối hợp hướng dẫn nhà trường về kiện toàn tổ chức bộ máy, số lượng người làm việc (biên chế sự nghiệp) theo quy định.

d) Các sở, ngành khác

- Phối hợp với nhà trường trong việc xây dựng và triển khai các CTĐT gắn với nhu cầu phát triển kinh tế – xã hội, thị trường lao động của tỉnh.

- Hỗ trợ kết nối doanh nghiệp, cơ sở sản xuất – kinh doanh trong hoạt động đào tạo, thực hành, thực tập, NCKH và giải quyết việc làm cho HSSV.

- Hỗ trợ nhà trường trong việc kiện toàn bộ máy tổ chức, định biên nhân sự phù hợp với quy mô đào tạo của trường cao đẳng CLC.

- Tham gia đóng góp ý kiến, hỗ trợ chuyên môn trong quá trình thực hiện và đánh giá kết quả Đề án.

4. Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu

- Đề nghị UBND các xã, phường, đặc khu phối hợp chặt chẽ trong công tác bảo đảm an ninh trật tự, quản lý HSSV và tạo điều kiện về quỹ đất (nếu Trường có nhu cầu mở rộng) phục vụ các hoạt động giáo dục và phục vụ cộng đồng.

- Hỗ trợ truyền thông, định hướng nghề nghiệp cho lao động địa phương tham gia các CTĐT của nhà trường, góp phần thực hiện mục tiêu an sinh xã hội và giảm nghèo bền vững; phối hợp với nhà trường trong công tác tuyên truyền, định hướng nghề nghiệp, tuyển sinh GDNN trên địa bàn.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho HSSV của Trường tham gia thực hành, thực tập, hoạt động cộng đồng và các chương trình phát triển kỹ năng nghề.

Nơi nhận:
- UBND tỉnh;
- Các sở, ngành tỉnh;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- Đảng ủy Trường;
- Lãnh đạo Trường;
- Các đơn vị thuộc Trường;
- Lưu: VT, QLĐT.

HIỆU TRƯỞNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KON TUM

Lê Trí Khải